



TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Số liệu

KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ CẦN THƠ
THÁNG 12 VÀ 12 THÁNG NĂM 2024



MỤC LỤC

○ Những nét chính kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ.....	1
○ Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP).....	3
○ Một số chỉ tiêu chủ yếu tháng 11 và 11 tháng năm 2024.....	6
○ Nông nghiệp và thủy sản.....	7
○ Công nghiệp.....	8
○ Vốn đầu tư toàn xã hội.....	10
○ Giải ngân vốn đầu tư công.....	12
○ Tình hình hoạt động doanh nghiệp.....	13
○ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng.....	14
○ Vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải.....	16
○ Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và Đô la Mỹ.....	18
○ Thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn.....	20
○ Ngân hàng.....	22
○ Xuất, nhập khẩu hàng hóa.....	23
○ Dân số.....	24
○ Tai nạn giao thông, phòng chống cháy nổ.....	25
○ Nhiệm vụ trọng tâm.....	26
○ Số liệu KT-XH 5 TP trực thuộc Trung ương.....	28



NHỮNG NÉT CHÍNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ CẦN THƠ



Tổng sản phẩm trên địa bàn thành phố ước năm 2024 tăng 7,12% so cùng kỳ năm trước. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế ước năm 2024: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,21%, (đóng góp 0,33 điểm %); khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,69% (đóng góp 2,41 điểm %); khu vực dịch vụ tăng 7,95% (đóng góp 4,13 điểm %); thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 3,83% (đóng góp 0,24 điểm %). Tốc độ tăng bình quân giai đoạn năm 2021-2024 tăng 6,28%.



Tổng diện tích gieo trồng được 212.614 ha, giảm 1,67% so với năm 2023, tương ứng giảm 3.602 ha. Ước tính năm 2024, tổng đàn heo hiện có 131.767 con, tăng 1,46% so với cùng kỳ; đàn trâu 253 con, giảm 3,07%; đàn bò 3.774 con, tăng 16,70% so với cùng kỳ; gia cầm 2.449 nghìn con, giảm 1,18% so với cùng kỳ. Diện tích thả nuôi thủy sản ước tính năm 2024 (không bao gồm diện tích sản xuất giống) ước đạt 5.353 ha, giảm 4,24% so với cùng kỳ. Năm 2024, tổng sản lượng thủy sản ước tính đạt 267,52 nghìn tấn, tăng 4,90% so với năm 2023.



Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2024 tăng 8,06% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,73%; sản xuất và phân phối điện tăng 4,98%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,56%



Vốn đầu tư phát triển trên địa bàn năm 2024 đạt 30.054,59 tỷ đồng, tăng 5,35% so với năm 2023, trong đó: Vốn nhà nước đạt 10.044,10 tỷ đồng, giảm 11,08%; vốn ngoài nhà nước đạt 19.383,33 tỷ đồng, tăng 31,30%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 627,16 tỷ đồng, giảm 74,60%.



Lũy kế 12 tháng năm 2024, ước cấp mới 1.800 lượt hồ sơ đăng ký mới doanh nghiệp, tăng 5,6% so với cùng kỳ, với tổng vốn 14.000 tỷ đồng, tăng 8,3% so cùng kỳ. Có 400 lượt doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 7,82% so với cùng kỳ; 195 lượt doanh nghiệp thực hiện xong hồ sơ giải thể, giảm 17,00% và 909 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng, tăng 27,84% so với cùng kỳ.



NHỮNG NÉT CHÍNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ CẦN THƠ (tiếp)



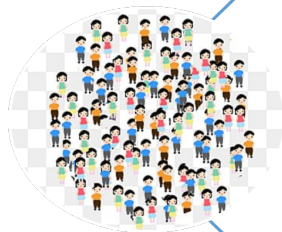
Cả năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 132.614,57 tỷ đồng, tăng 12,38% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể: Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 95.939,54 tỷ đồng, tăng 11,95% so với cùng kỳ năm trước; lưu trú, ăn uống ước đạt 16.800,04 tỷ đồng, tăng 13,66%; du lịch lữ hành ước đạt 666,54 tỷ đồng, tăng 56,21%; dịch vụ khác ước đạt 19.208,46 tỷ đồng, tăng 12,36% so với cùng kỳ năm 2023.



Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 năm 2024 tăng 0,20% so với tháng trước, tăng 3,36% so với cùng kỳ năm trước, bình quân quý IV và cả năm 2024 tăng lần lượt 3,14% và 3,50% so với cùng kỳ năm 2023.



Tổng thu ngân sách nhà nước lũy kế thực hiện đạt 16.364,49 tỷ đồng, tổng chi ngân sách địa phương lũy kế thực hiện đến đạt 16.579,01 tỷ đồng (đến ngày 25/12/2024).



Dân số trung bình sơ bộ năm 2024 của thành phố đạt 1.271.723 người, tăng 12.847 người, tương đương tăng 1,02% so với năm 2023, bao gồm dân số thành thị 898.655 người, chiếm 70,66%; dân số nông thôn 373.068 người, chiếm 29,34%. Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc của thành phố ước quý IV/2024 là 628.467 lao động, tăng khoảng 2,10% tương đương 12.926 lao động có việc làm so với quý III/2024. Ước năm 2024 tăng 3,15% lao động so với cùng kỳ

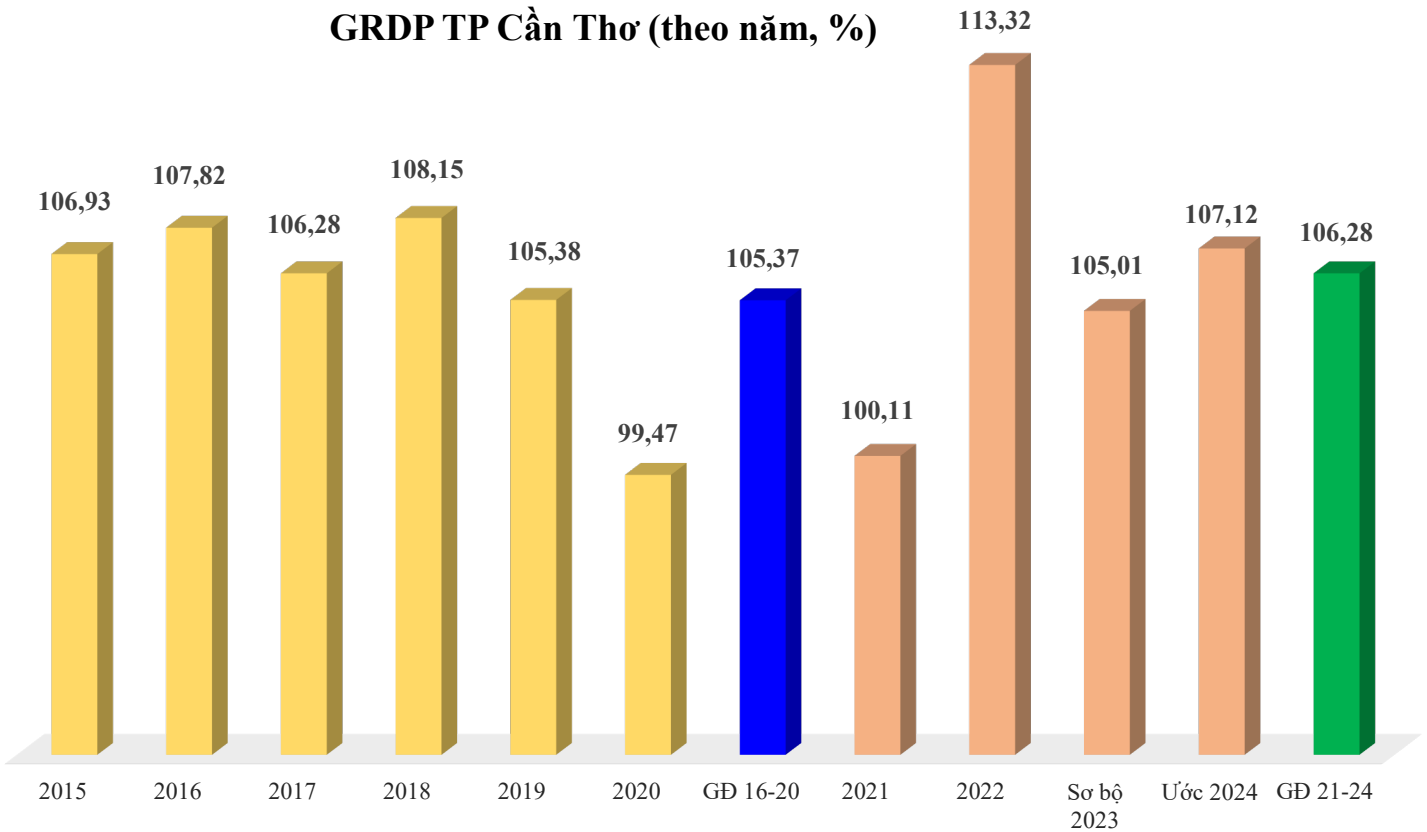


Lũy kế 12 tháng/2024, tổng số vụ tai nạn giao thông 266 vụ, tăng 6,4% so cùng kỳ; 159 người chết, tăng 1,27% so cùng kỳ và 178 người bị thương; tăng 48,33% so cùng kỳ. Số vụ cháy, nổ lũy kế 12 tháng/2024 so với cùng kỳ: 15 vụ cháy, tăng 03 vụ; làm 02 người chết, tăng 01 người và 03 người bị thương, tăng 02 người, tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính 16.583,1 triệu đồng.



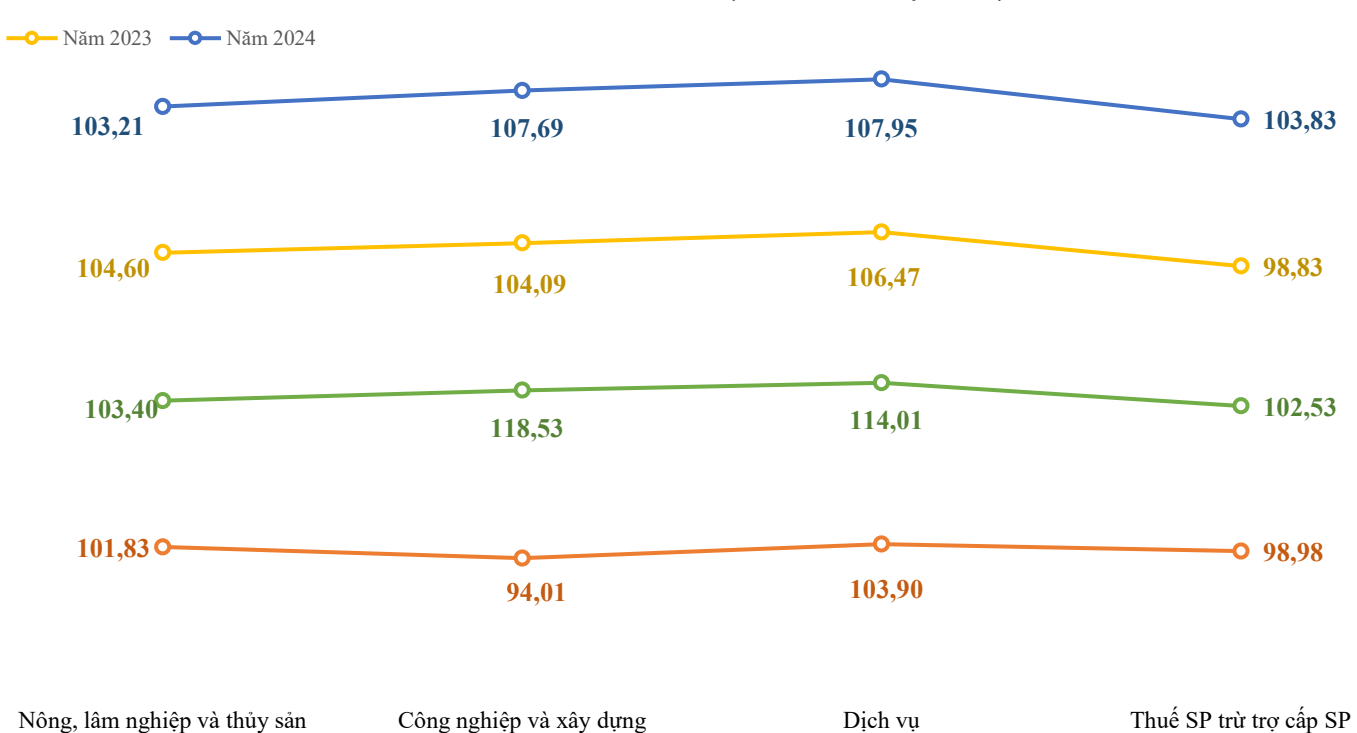
TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP)

GRDP TP Cần Thơ (theo năm, %)



— Năm 2021 — Năm 2022
— Năm 2023 — Năm 2024

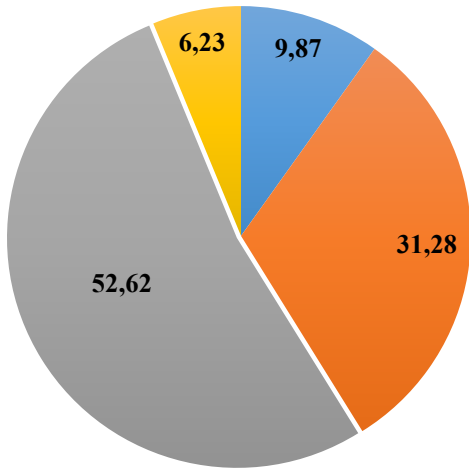
GRDP TP Cần Thơ (theo khu vực, %)





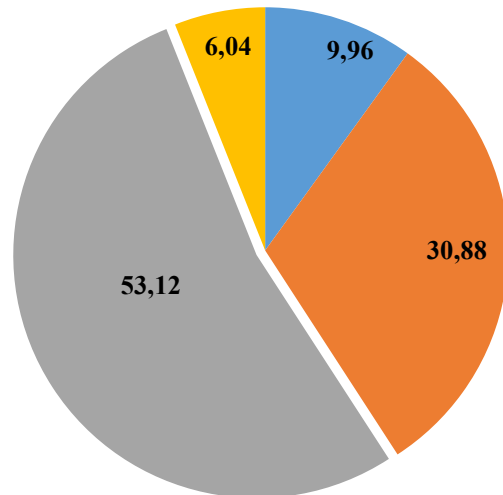
TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP) (Tiếp)

Cơ cấu GRDP năm 2023
(theo giá HH,%)



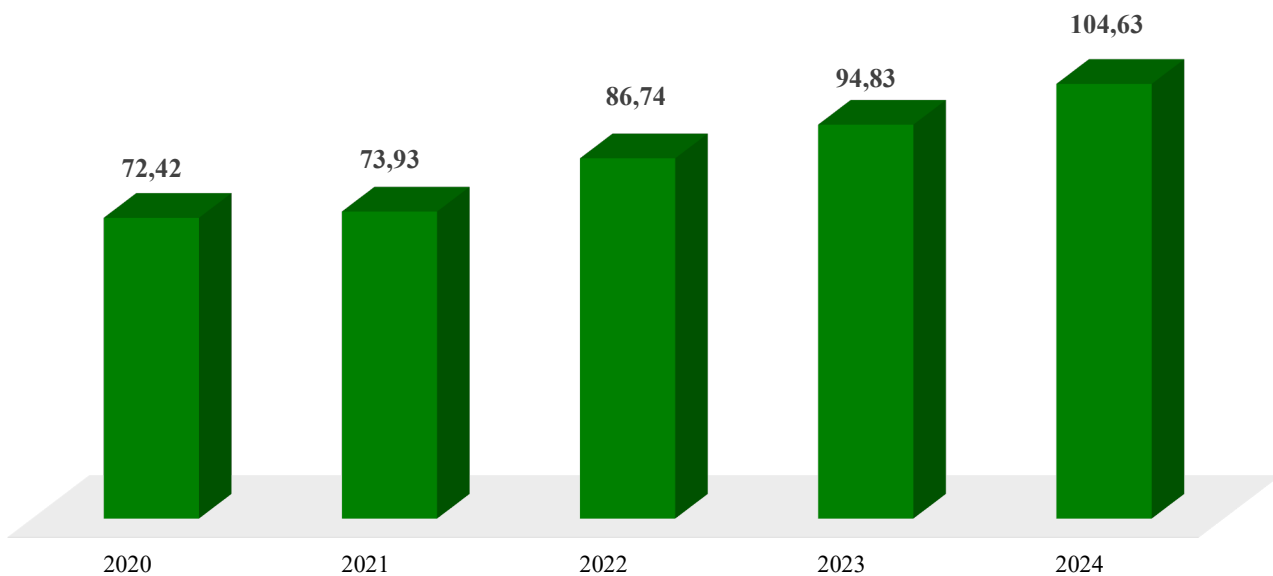
■ Nông, lâm nghiệp và thủy sản
■ Công nghiệp và xây dựng
■ Dịch vụ
■ Thuế SP trừ trợ cấp SP

Cơ cấu GRDP năm 2024
(theo giá HH,%)



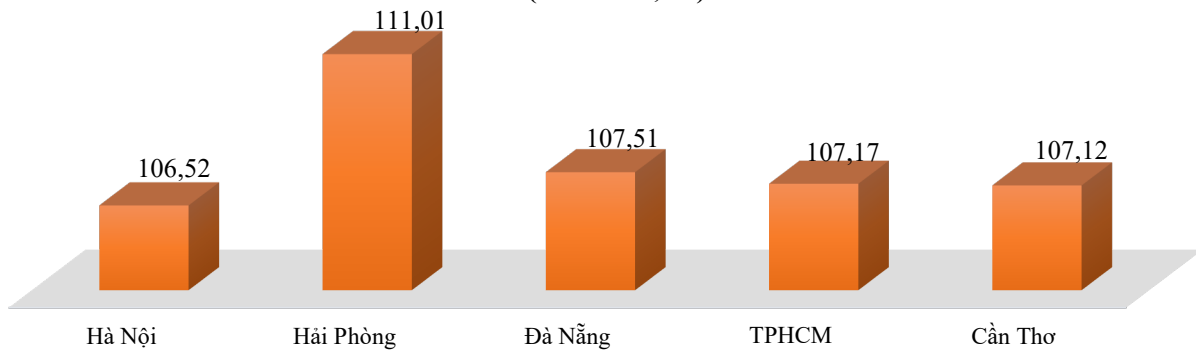
■ Nông, lâm nghiệp và thủy sản
■ Công nghiệp và xây dựng
■ Dịch vụ
■ Thuế SP trừ trợ cấp SP

GRDP bình quân đầu người (triệu đồng/người/năm)

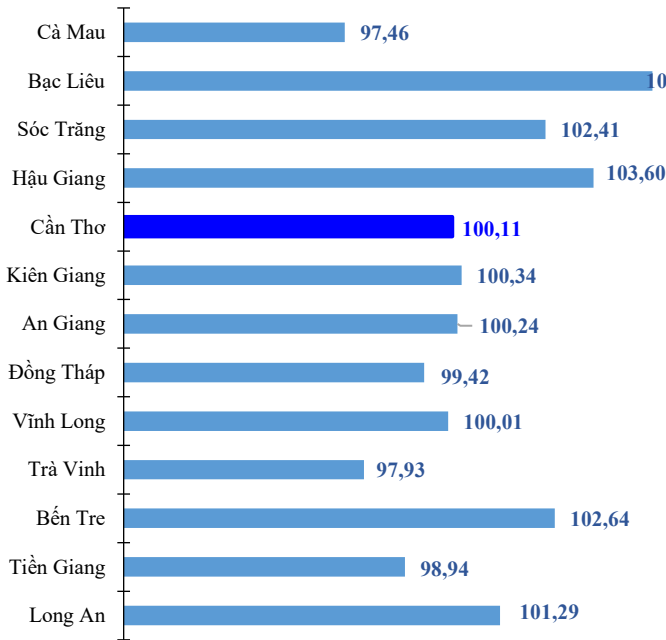


TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP) (Tiếp)

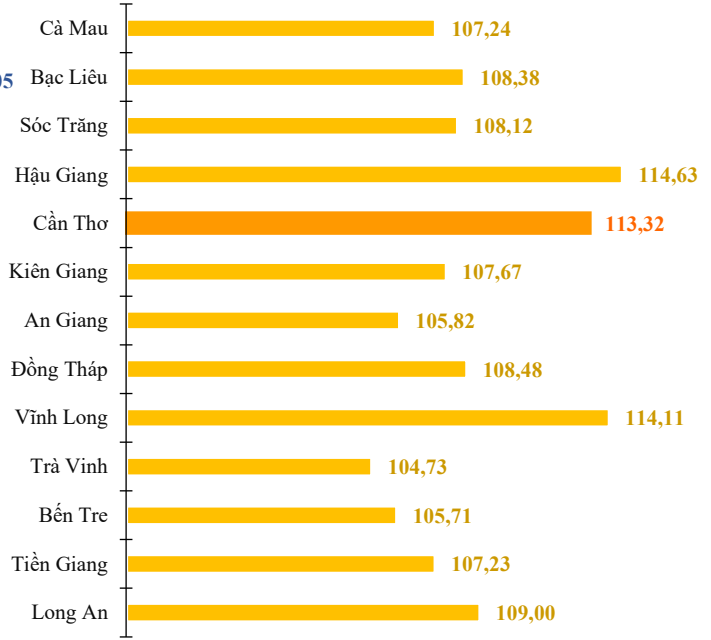
GRDP của 5 TP trực thuộc TW
(theo năm, %)



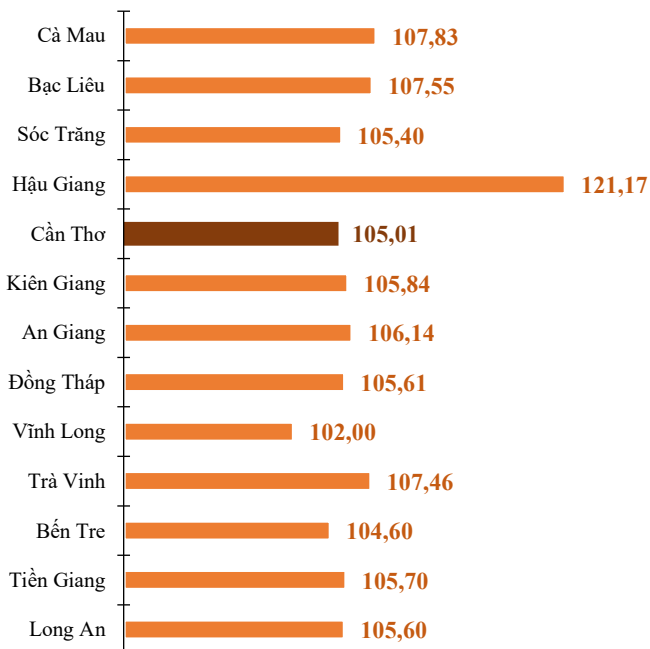
GRDP 13 tỉnh ĐBSCL năm 2021 (theo năm, %)



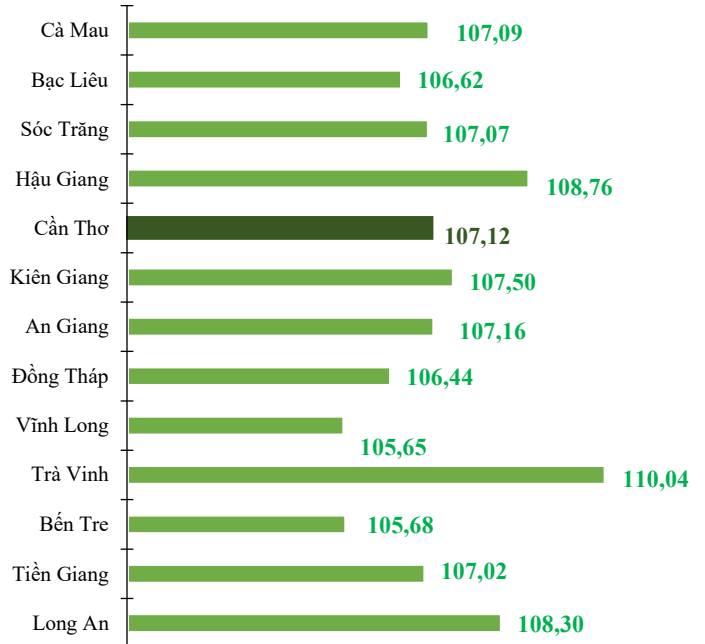
GRDP 13 tỉnh ĐBSCL năm 2022 (theo năm, %)



GRDP 13 tỉnh ĐBSCL năm 2023 (theo năm, %)



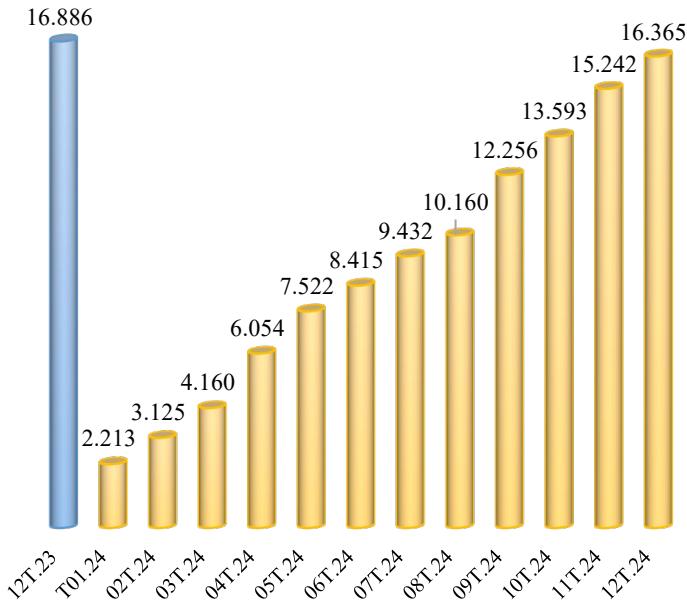
GRDP 13 tỉnh ĐBSCL năm 2024 (theo năm, %)



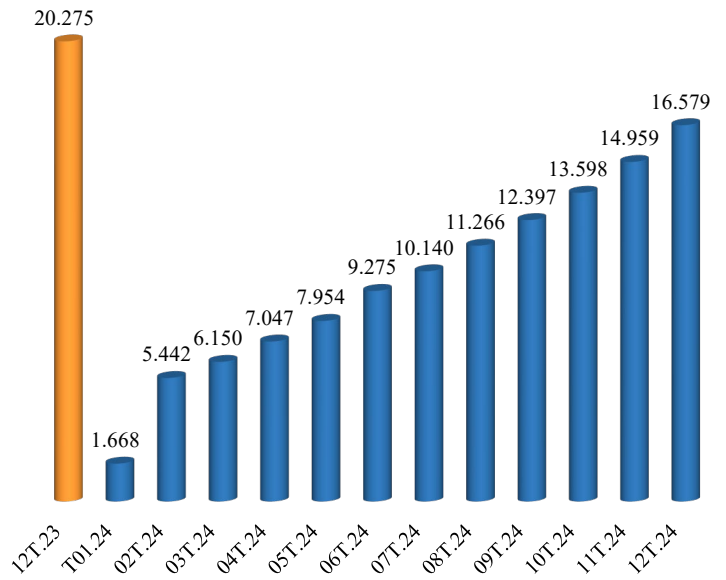


MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THÁNG 12 VÀ 12 THÁNG NĂM 2024

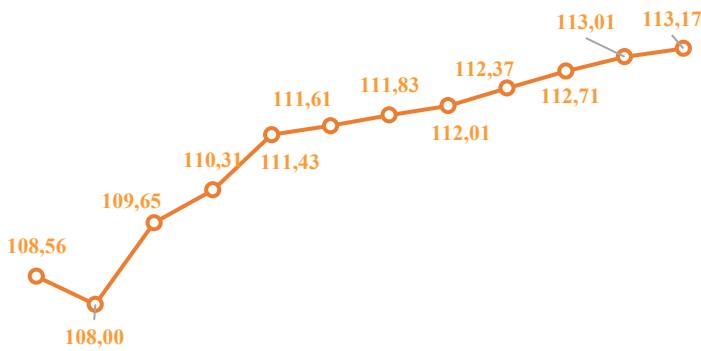
Tổng thu ngân sách nhà nước (lũy kế, tỷ đồng)



Tổng chi ngân sách địa phương (lũy kế, tỷ đồng)



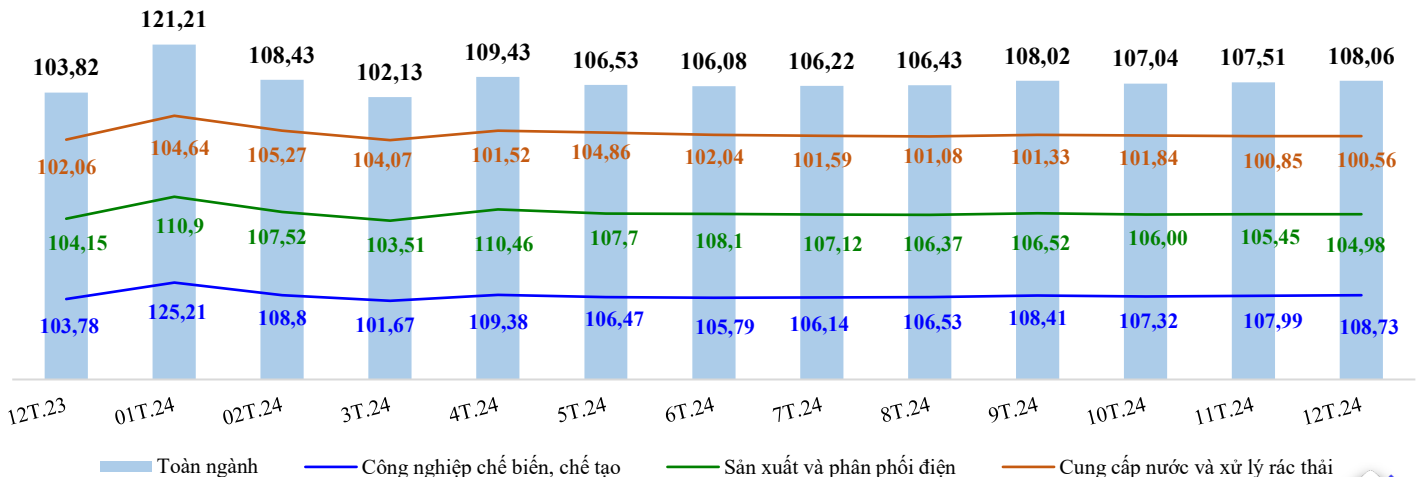
Tốc độ tăng/giảm Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng so cùng kỳ (lũy kế, %)



Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cùng kỳ (lũy kế, %)



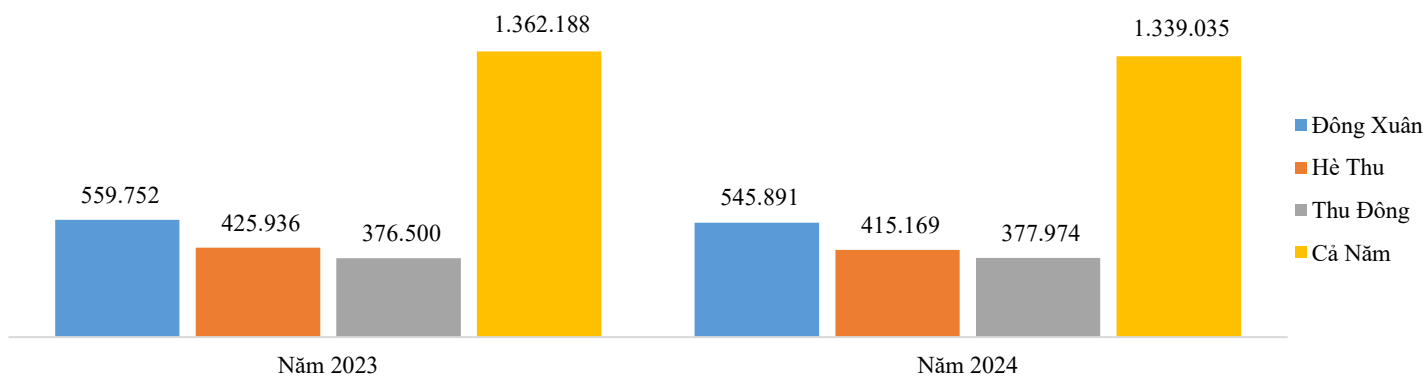
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ (lũy kế, %)



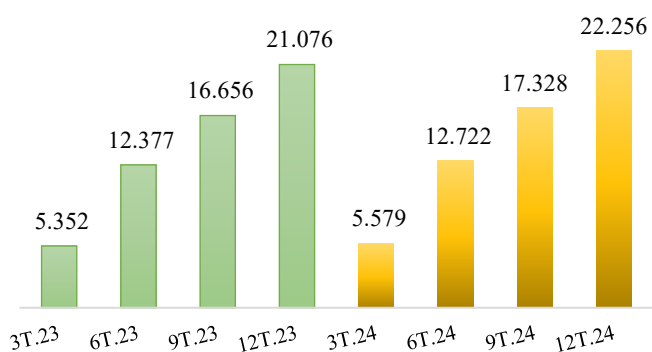


NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

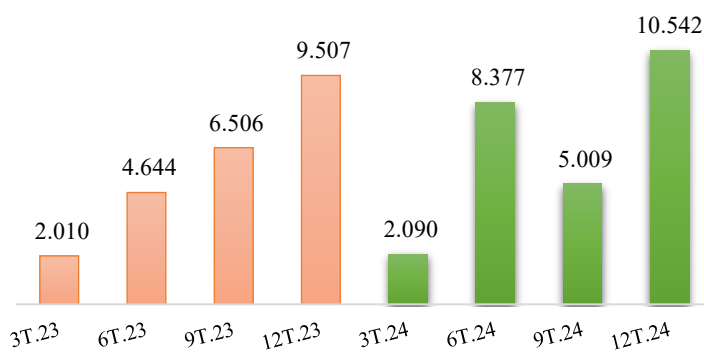
Sản lượng lúa năm 2023 & 2024 (theo vụ, tấn)



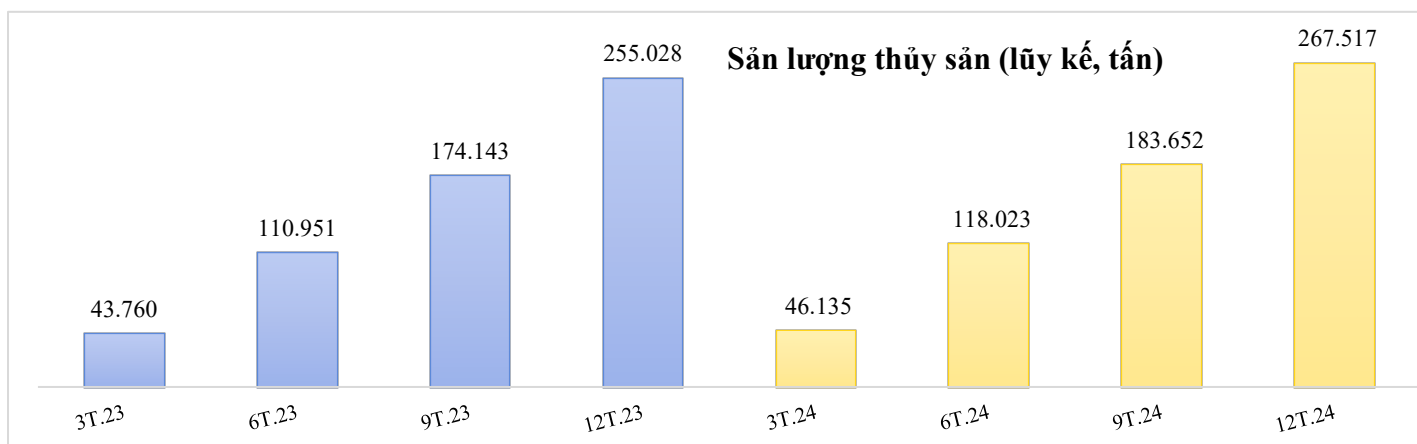
Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng (lũy kế, tấn)



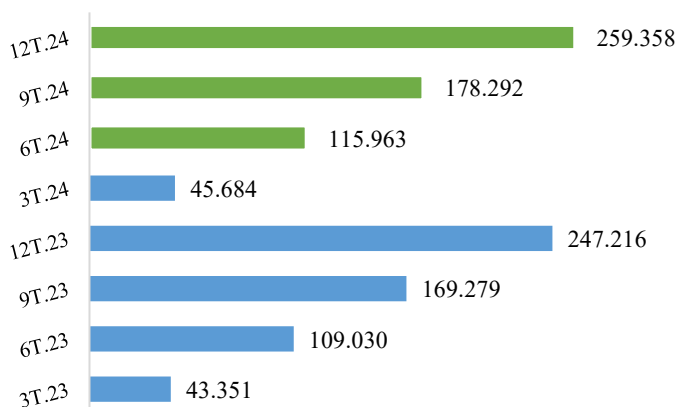
Sản lượng thịt gia cầm xuất chuồng (lũy kế, tấn)



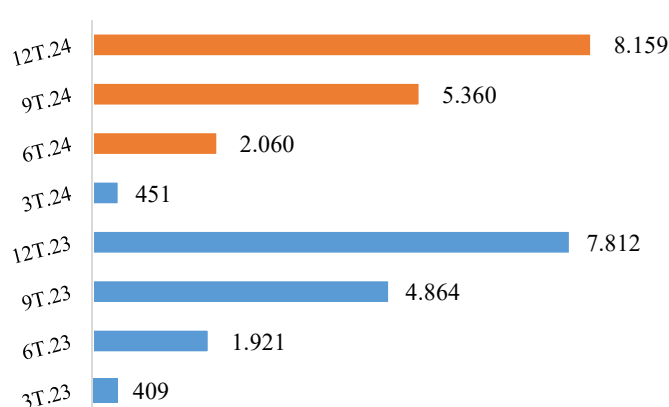
Sản lượng thủy sản (lũy kế, tấn)



Sản lượng nuôi trồng (tấn)



Sản lượng khai thác (tấn)

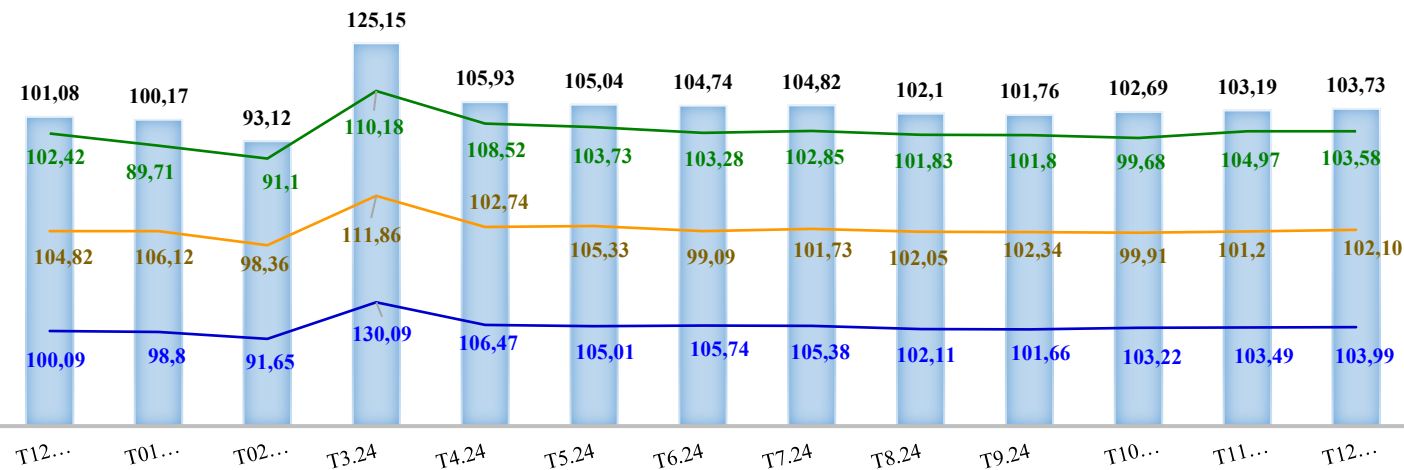




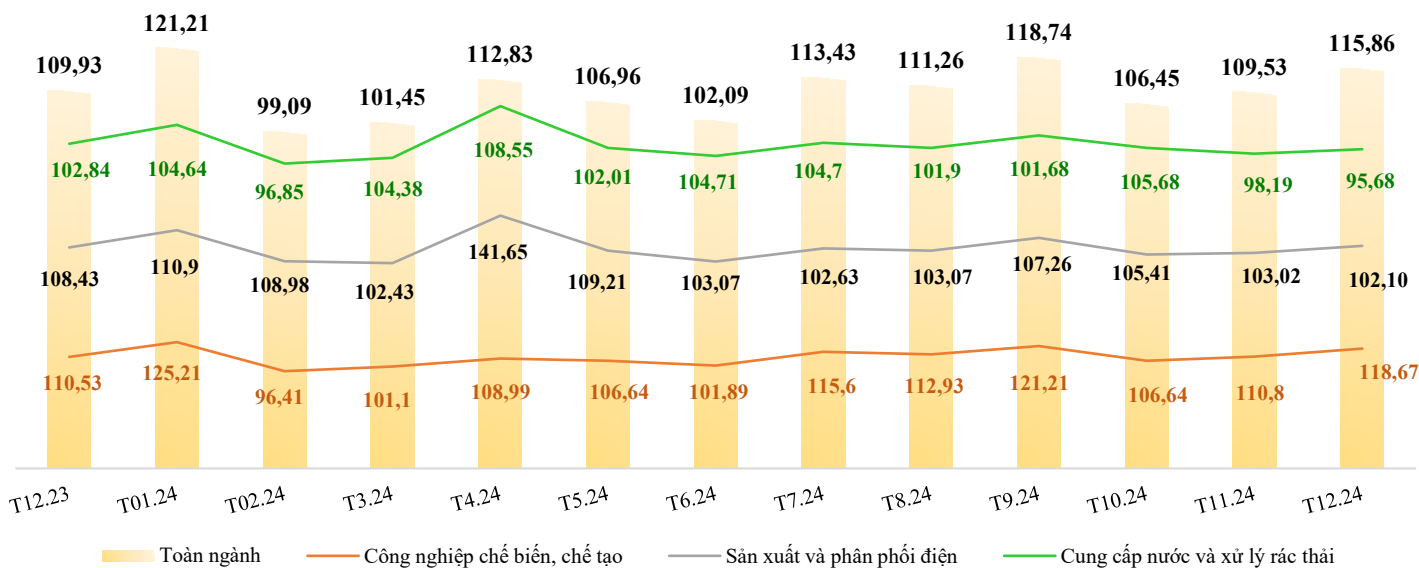
CÔNG NGHIỆP

- Toàn ngành
- Công nghiệp chế biến, chế tạo
- Sản xuất và phân phối điện
- Cung cấp nước và xử lý rác thải

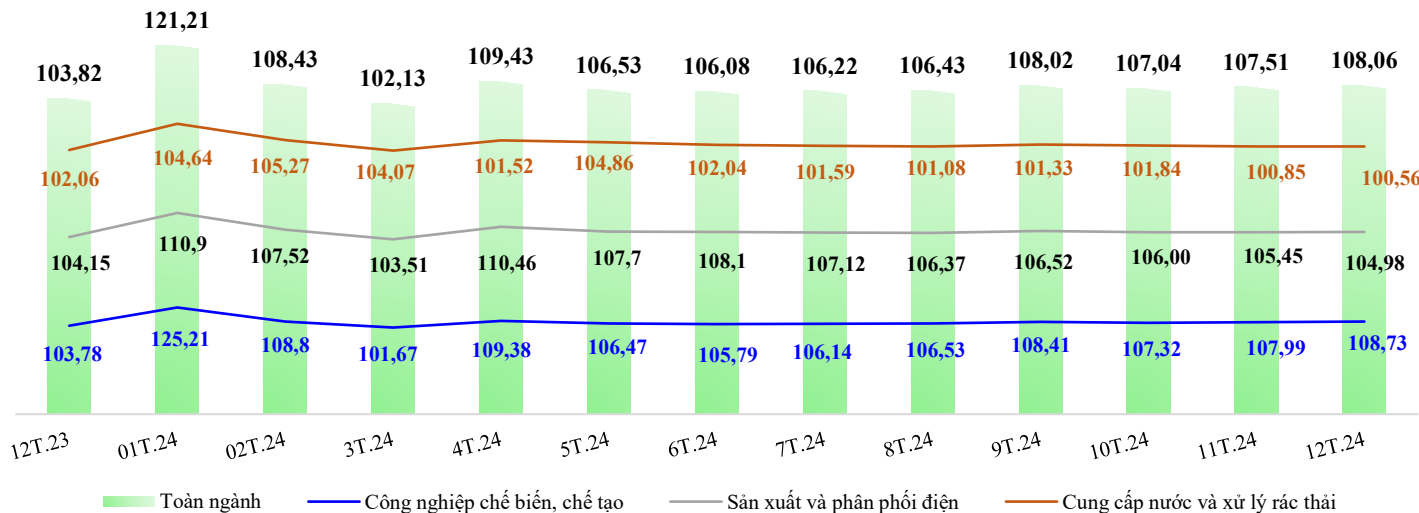
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với tháng trước (theo tháng, %)



Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với tháng cùng kỳ (theo tháng, %)



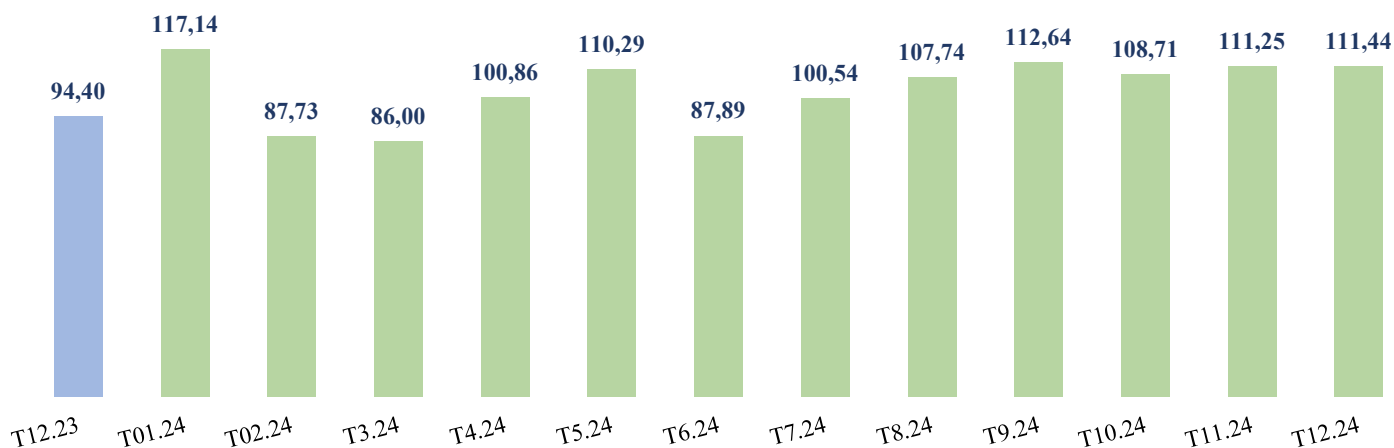
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ (lũy kế, %)



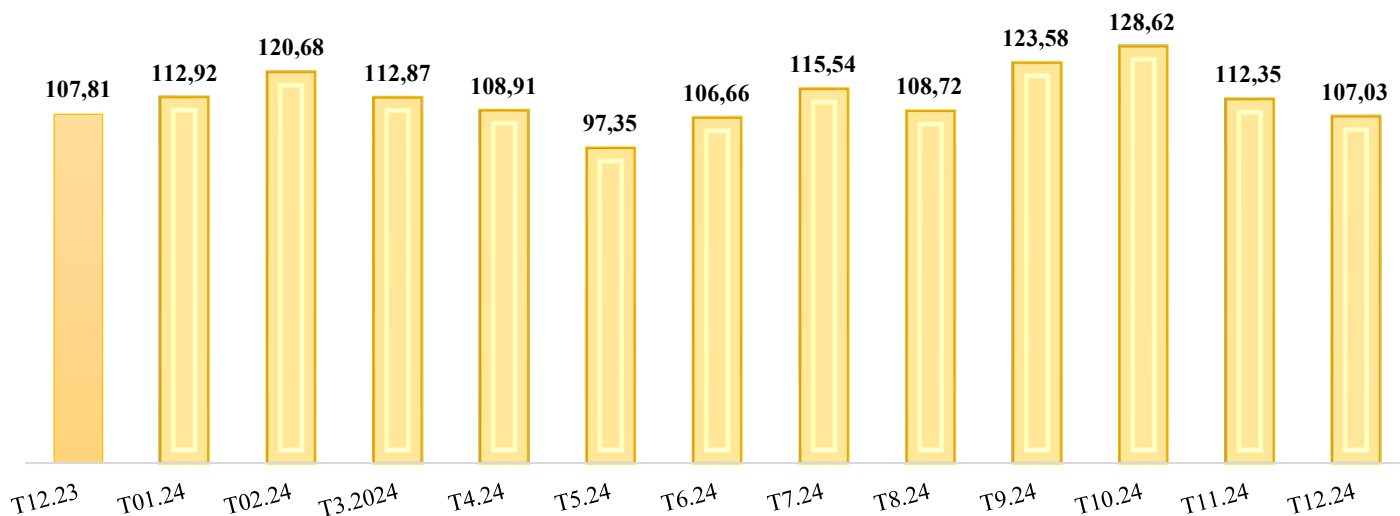


CÔNG NGHIỆP (tiếp)

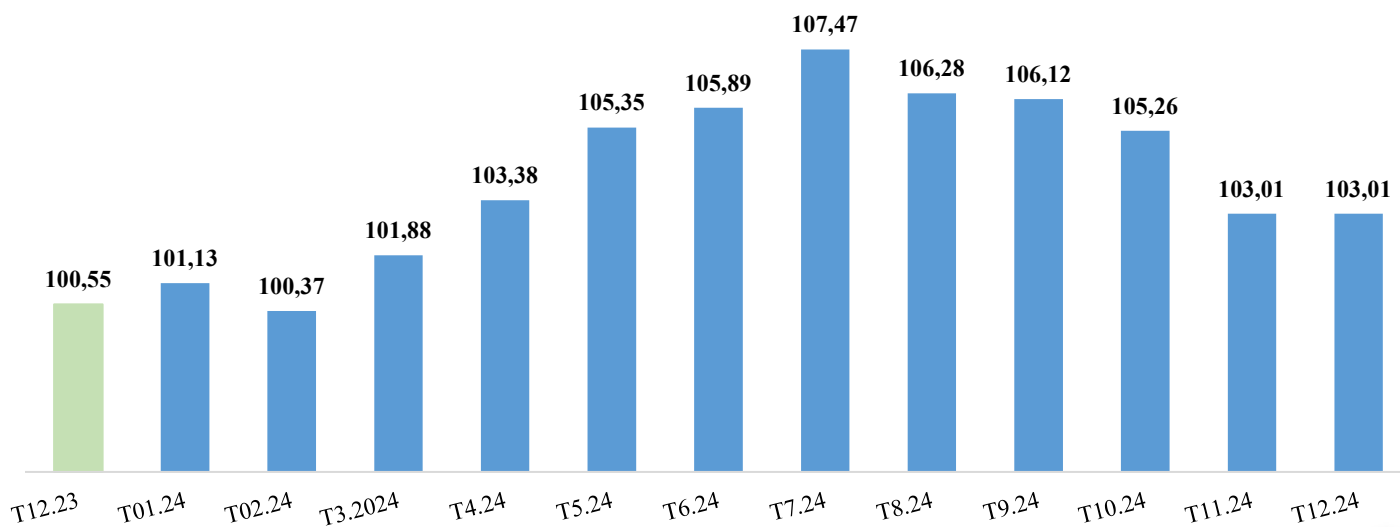
Chỉ số tiêu thụ so với cùng kỳ (tháng, %)



Chỉ số tồn kho so với cùng kỳ (tháng, %)



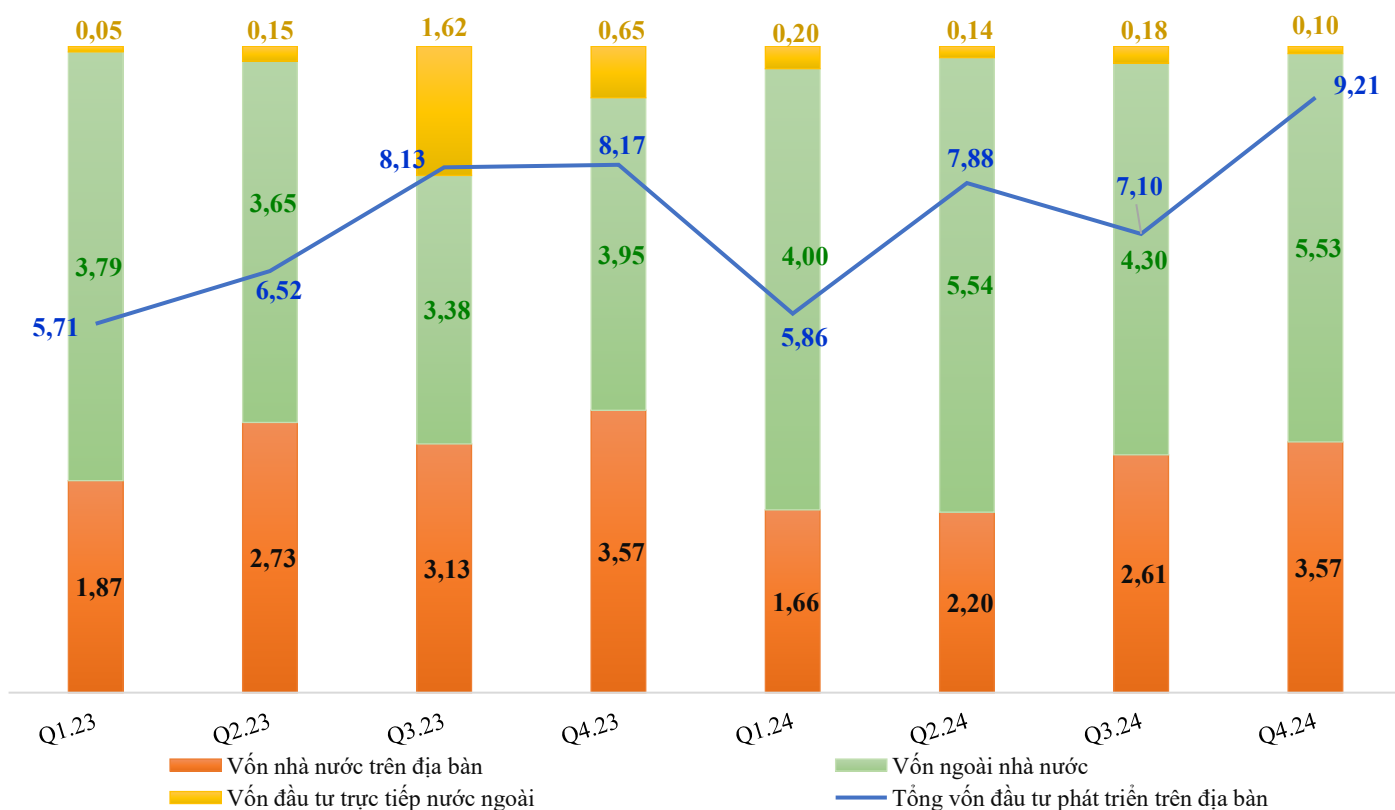
Chỉ số sử dụng lao động so với cùng kỳ (tháng, %)



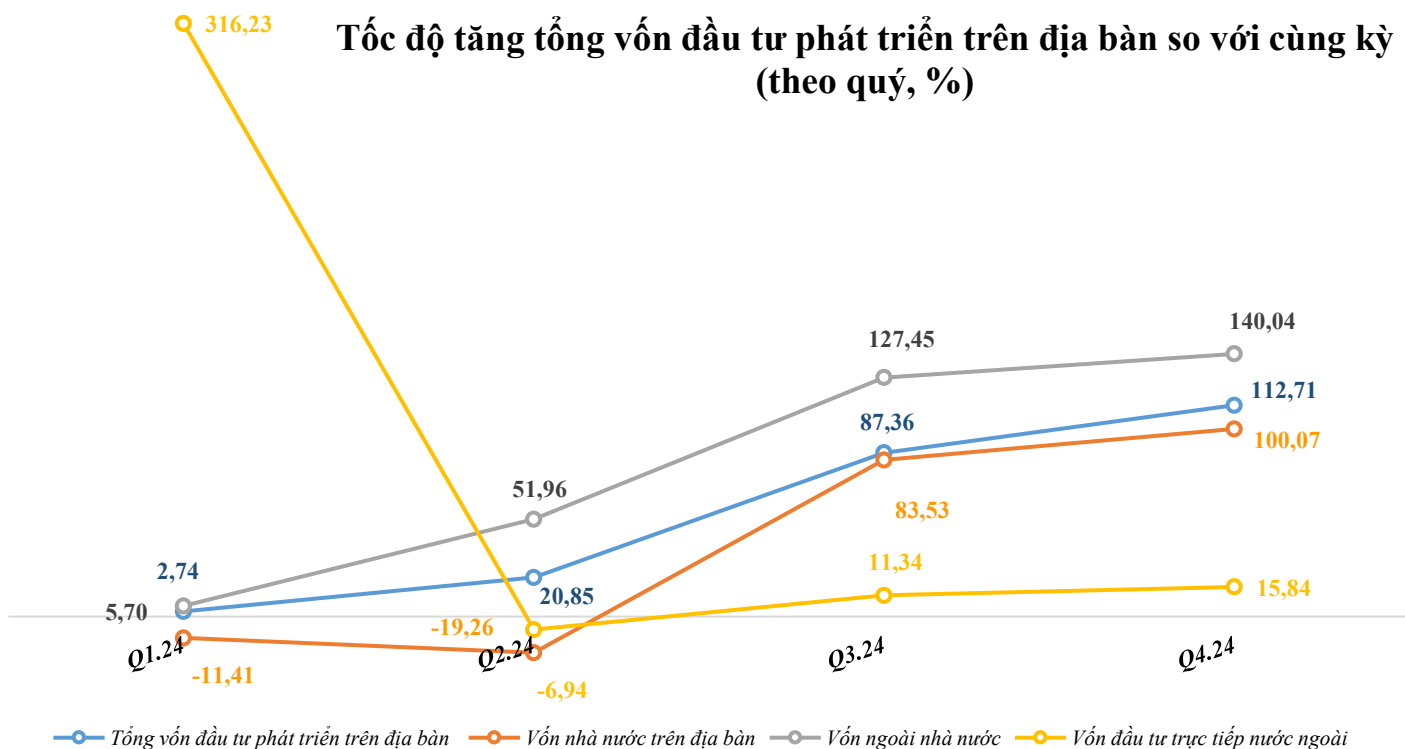


VỐN ĐẦU TƯ TOÀN XÃ HỘI

**Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn theo giá hiện hành
(theo quý, nghìn tỷ đồng)**



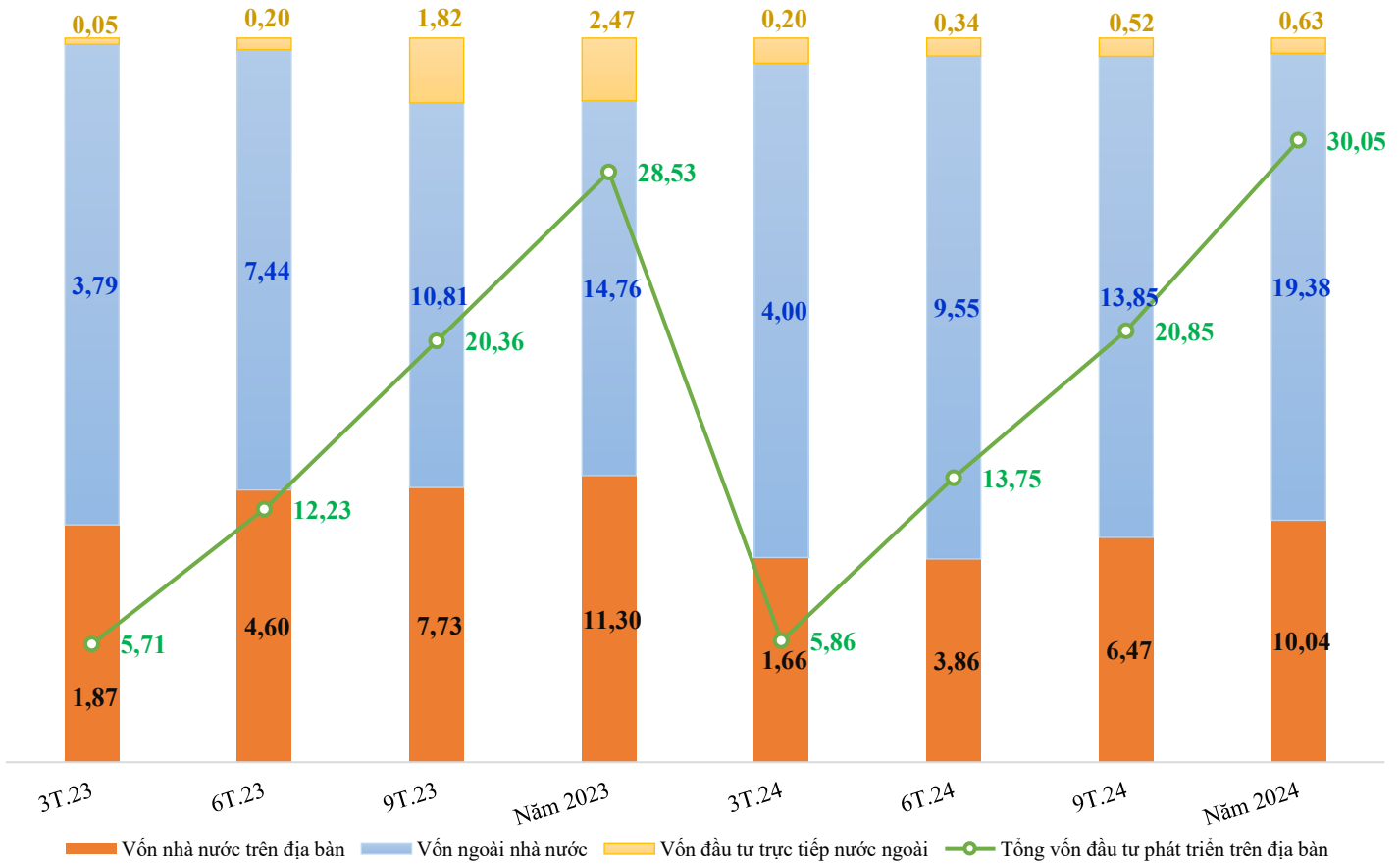
**Tốc độ tăng tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn so với cùng kỳ
(theo quý, %)**



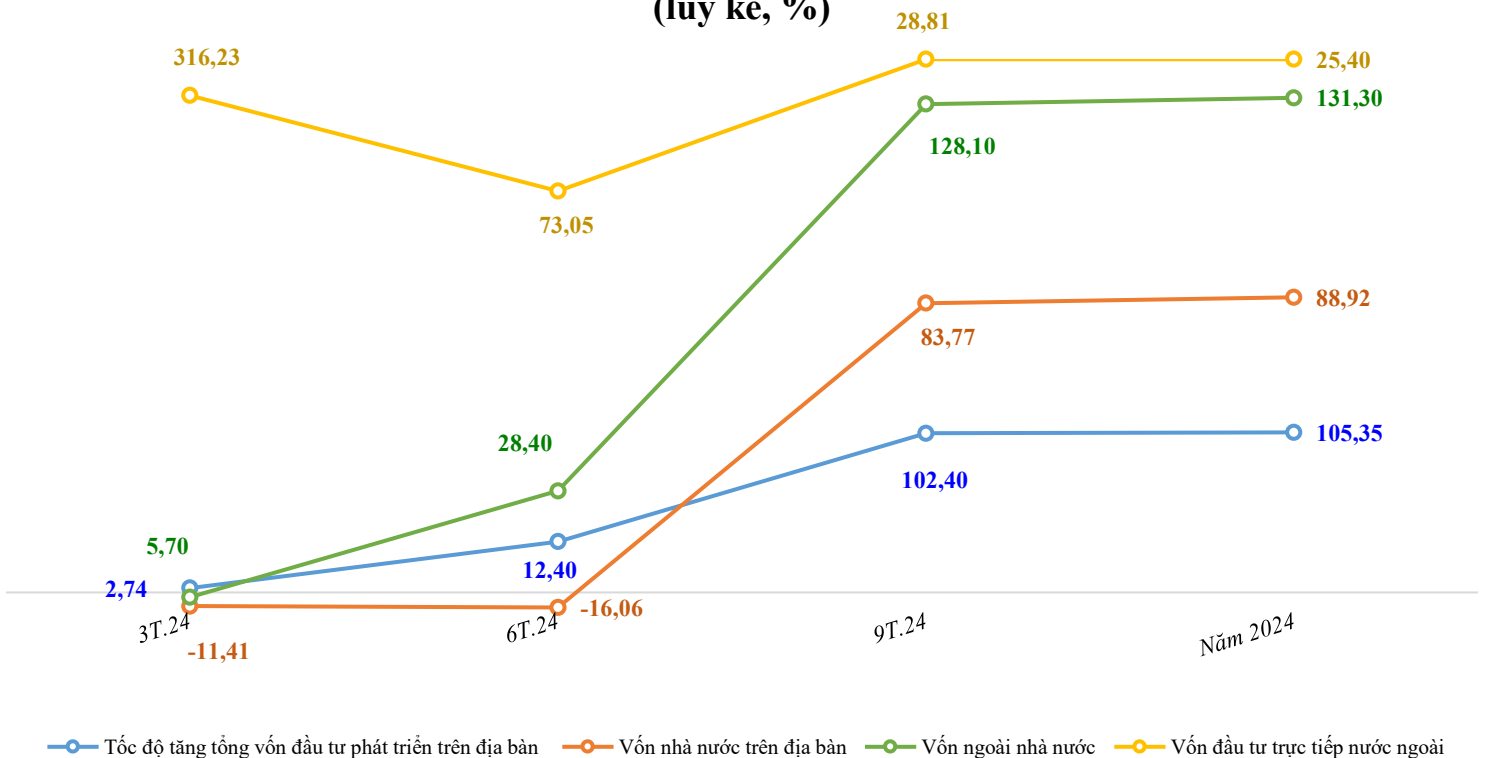


VỐN ĐẦU TƯ TOÀN XÃ HỘI (tiếp)

Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn theo giá hiện hành (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



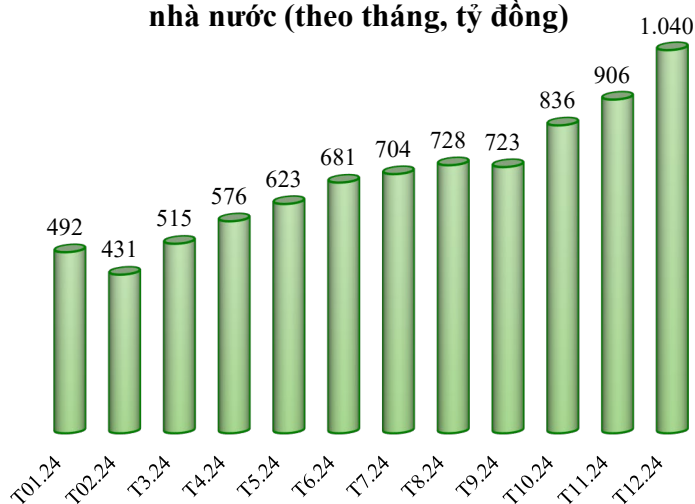
Tốc độ tăng tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn so với cùng kỳ (lũy kế, %)



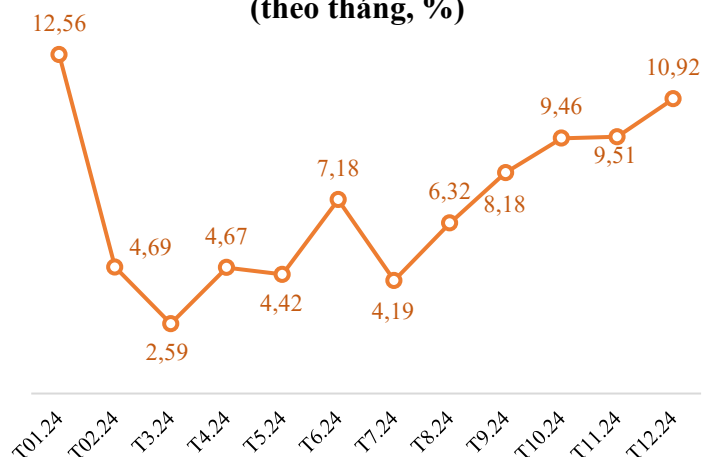


GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG(*)

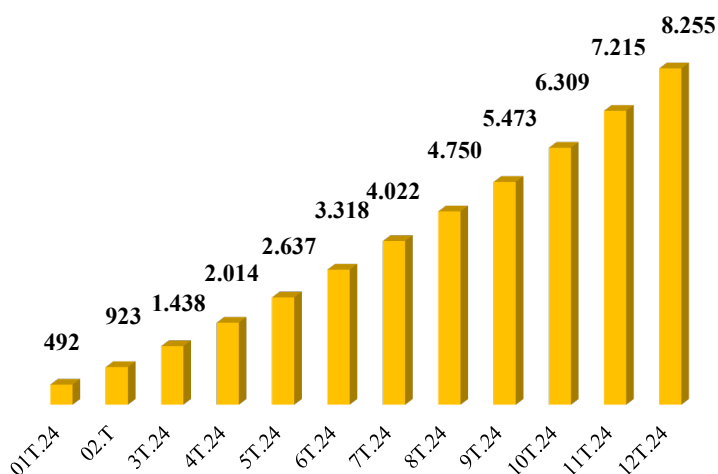
Giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước (theo tháng, tỷ đồng)



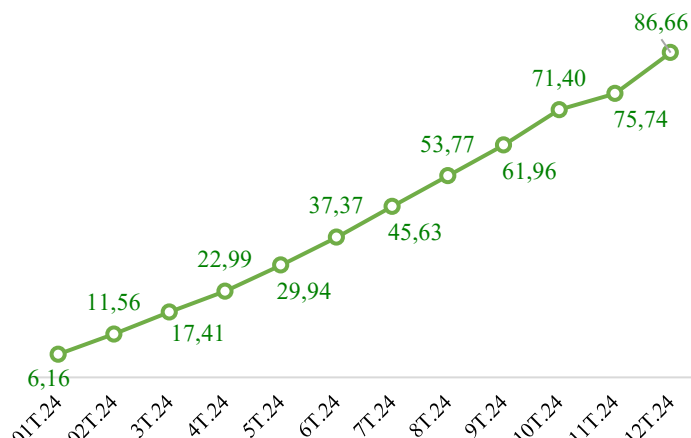
Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước năm 2024 so với kế hoạch (theo tháng, %)



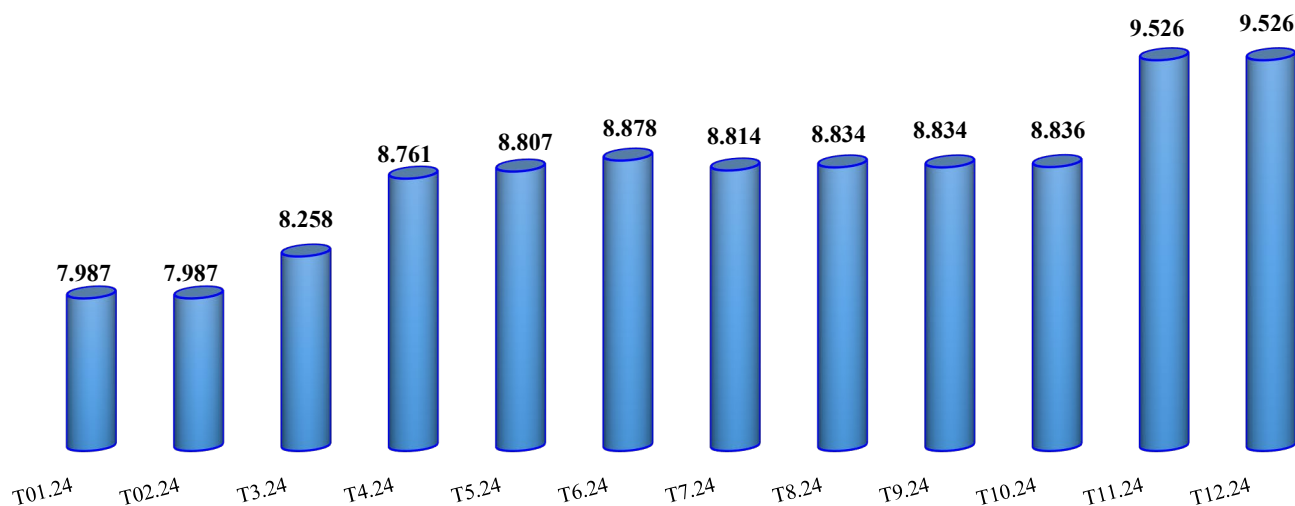
Giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước (lũy kế, tỷ đồng)



Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước năm 2024 so với kế hoạch (lũy kế, %)



Kế hoạch năm 2024 (tỷ đồng)

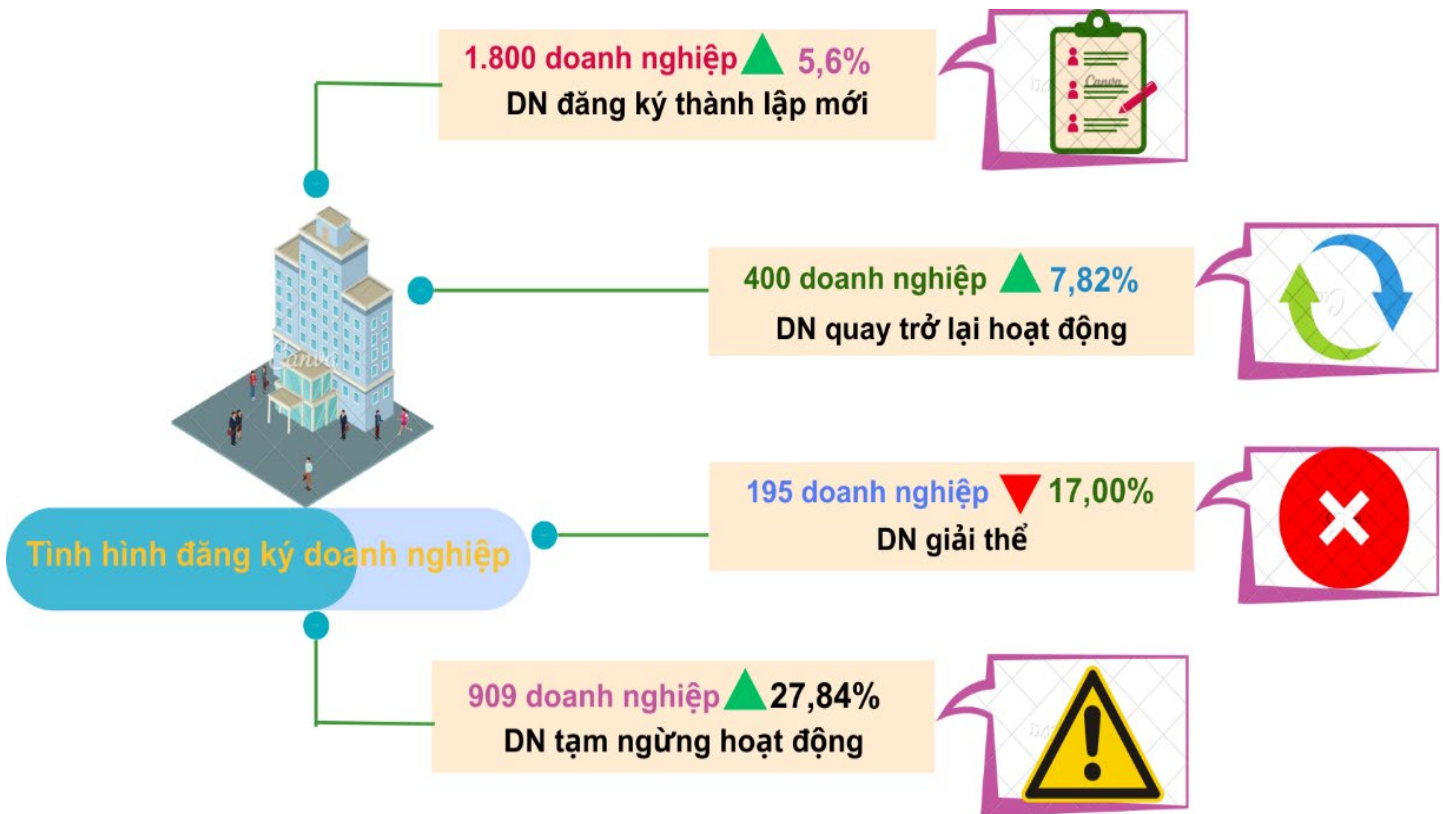


Nguồn: Kho bạc thành phố Cần Thơ

(*) Điều chỉnh số chính thức từ tháng 1/2024 - 11/2024. Riêng tháng 12 số liệu đến ngày 25/12/2024

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Lũy kế 12 tháng năm 2024, ước cấp mới 1.800 lượt hồ sơ đăng ký mới doanh nghiệp, đạt 100%KH, tăng 5,6% so với cùng kỳ, với tổng vốn 14.000 tỷ đồng, tăng 7,7%KH, tăng 8,3% so cùng kỳ. Có 400 lượt doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 7,82% so với cùng kỳ; 195 lượt doanh nghiệp thực hiện xong hồ sơ giải thể, giảm 17,00% và 909 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng, tăng 27,84% so với cùng kỳ (*)



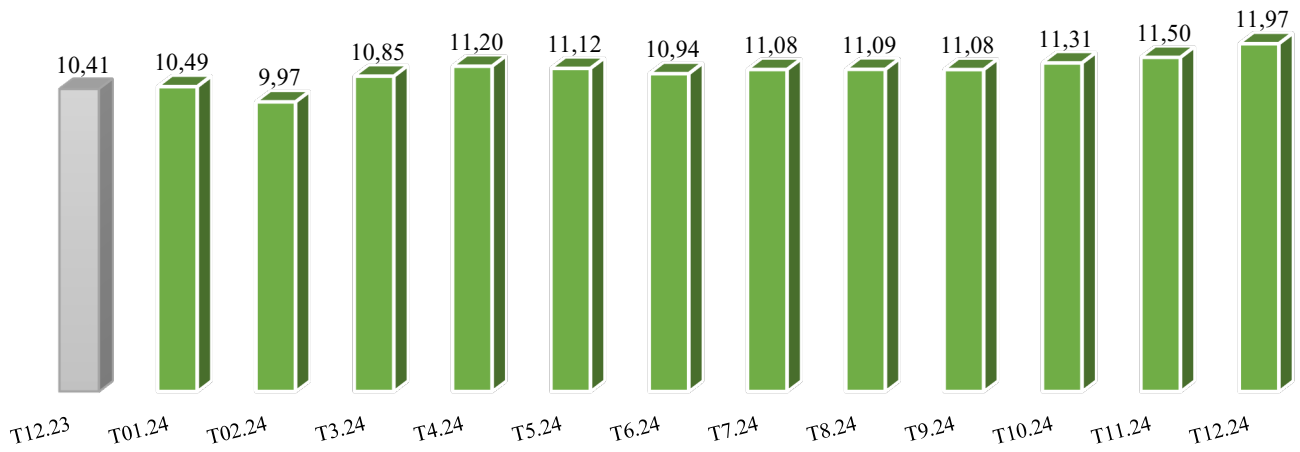
Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý IV/2024 so với quý trước cho thấy: Có 39% số doanh nghiệp đánh giá tốt lên; 21% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn và 40% doanh nghiệp nhận định tình hình sản xuất kinh doanh không thay đổi. Dự kiến quý I/2025 so với quý hiện tại, có 37% số doanh nghiệp đánh giá xu hướng sẽ tốt lên; 15% số doanh nghiệp đánh giá tình hình vẫn còn khó khăn và 48% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh vẫn không thay đổi.

(*) Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố

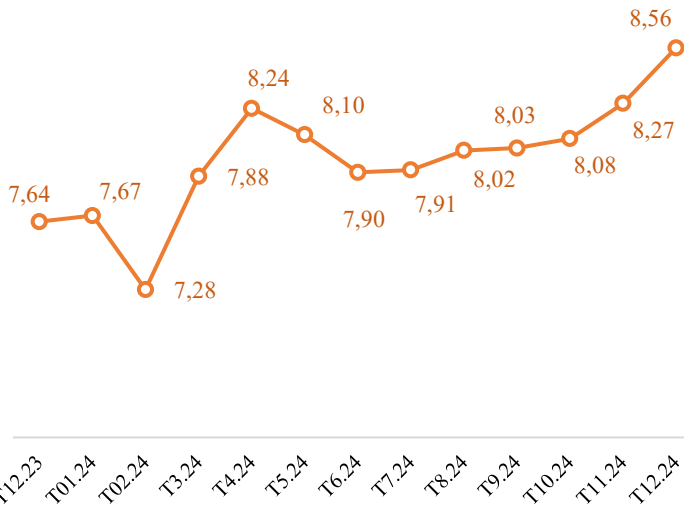


TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG

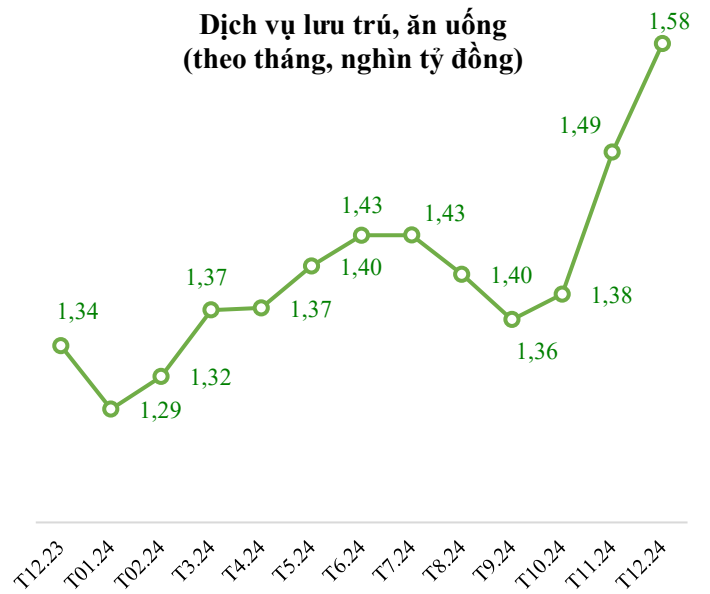
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



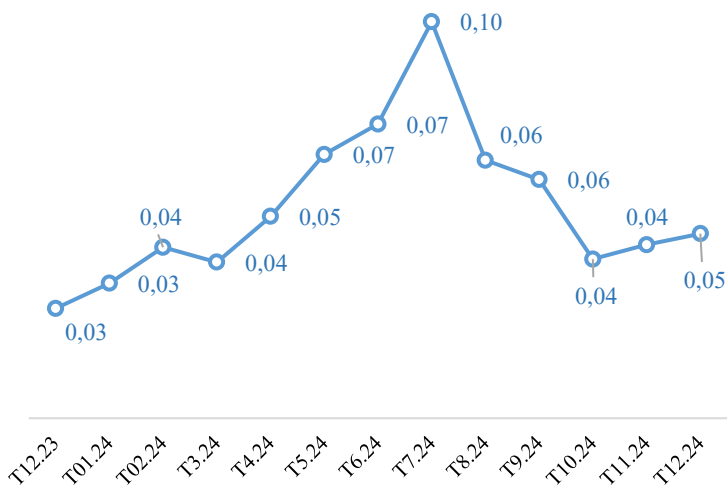
Bán lẻ hàng hóa (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



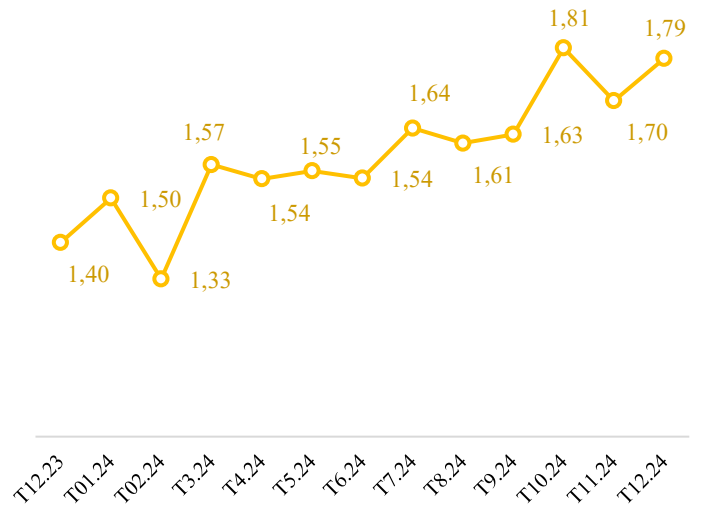
Dịch vụ lưu trú, ăn uống (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



Du lịch lữ hành (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



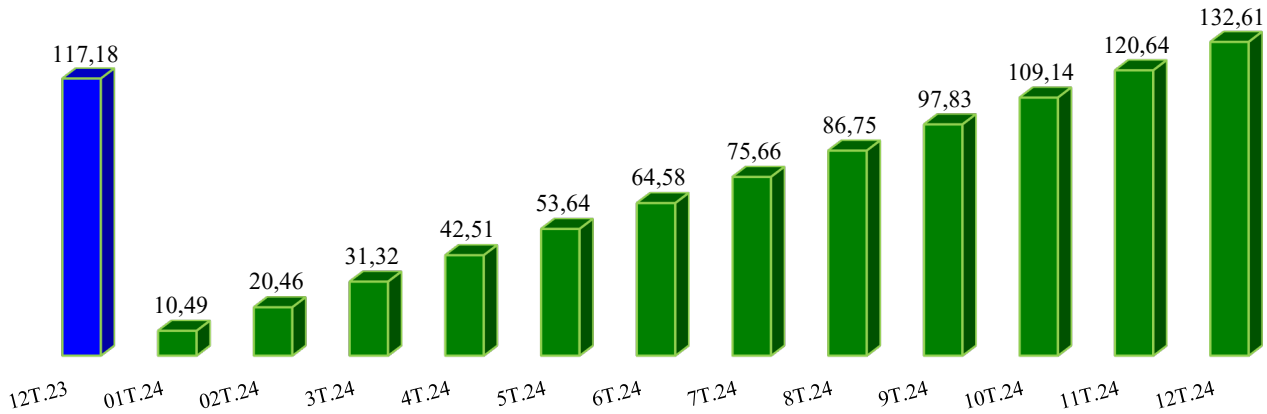
Dịch vụ khác (theo tháng, nghìn tỷ đồng)



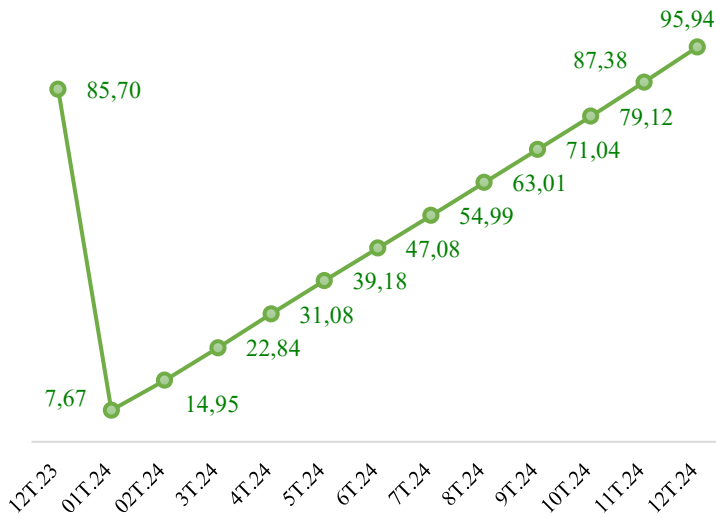


TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG (tiếp)

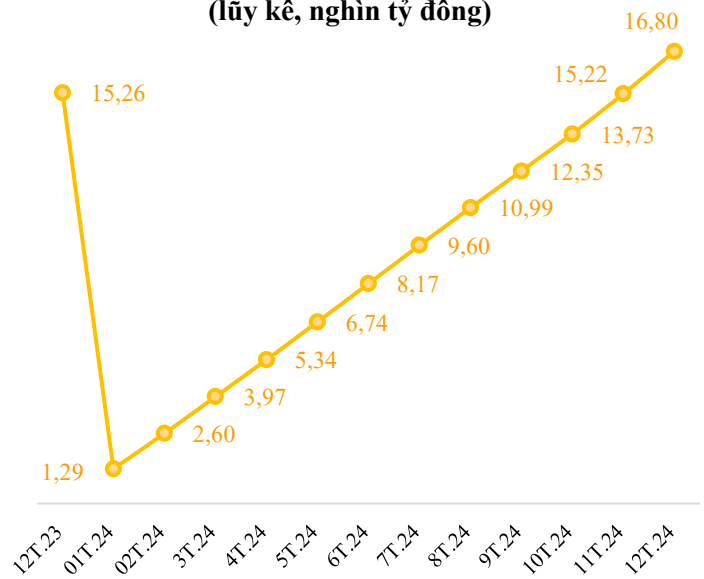
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



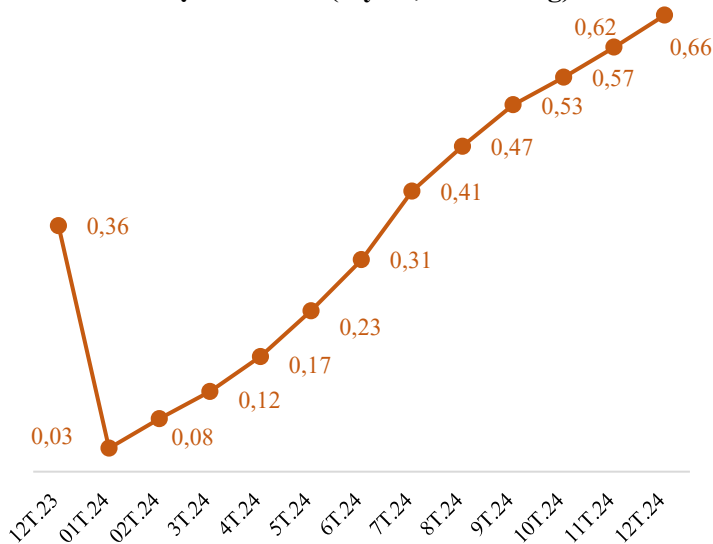
Bán lẻ hàng hóa (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



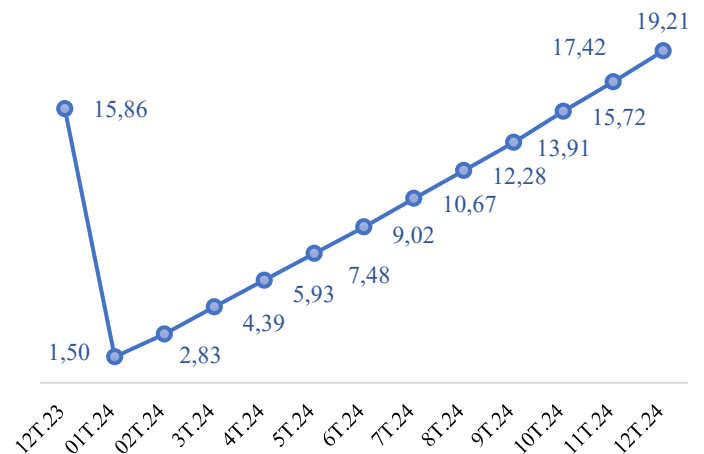
Dịch vụ lưu trú, ăn uống (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



Du lịch lữ hành (lũy kế, theo tháng)



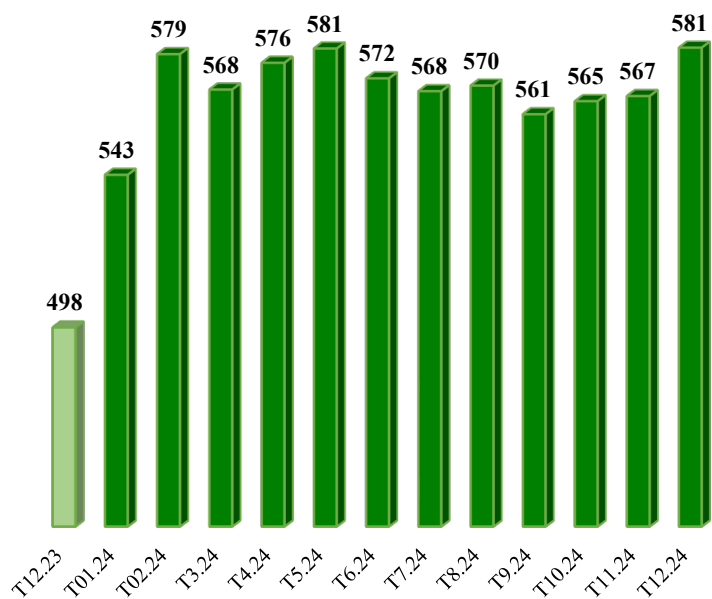
Dịch vụ khác (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



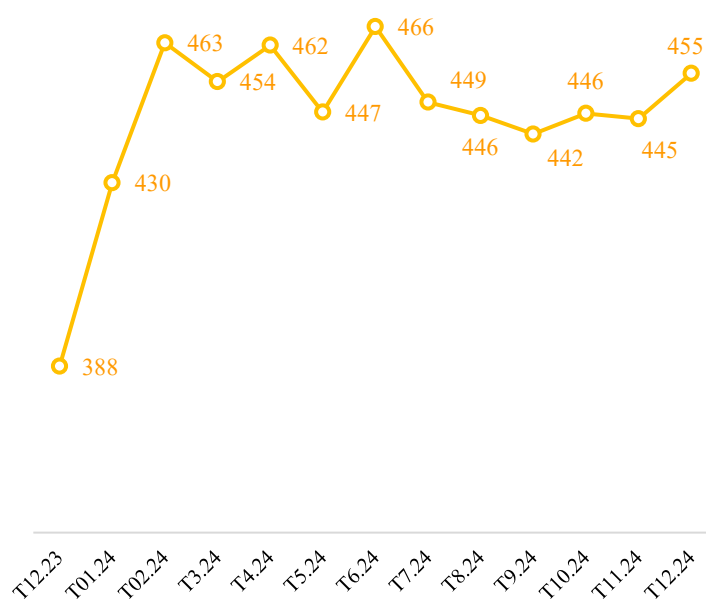


VẬN TẢI, KHO BÃI VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ VẬN TẢI

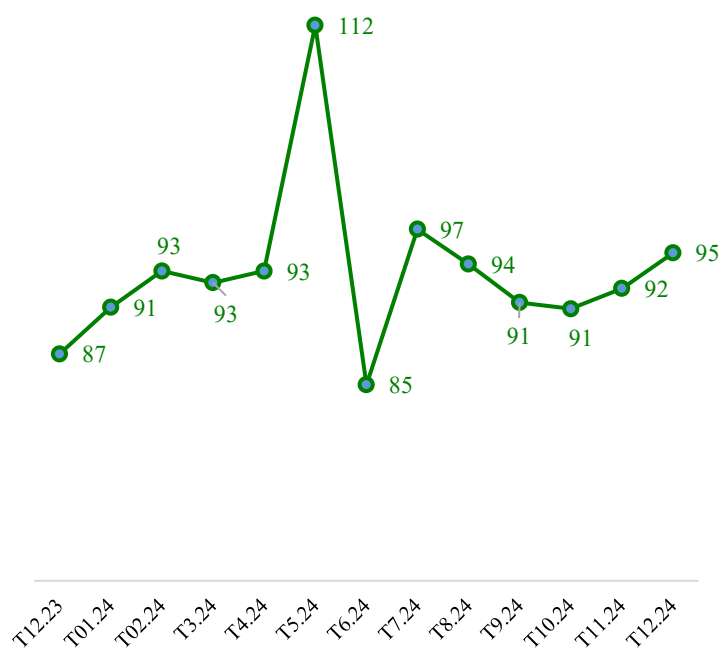
Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ vận tải (theo tháng, tỷ đồng)



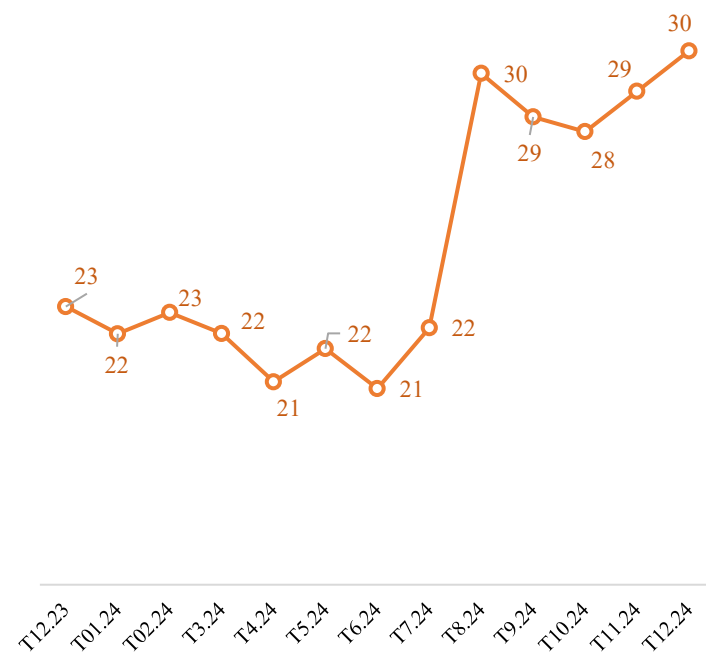
Doanh thu vận tải (theo tháng, tỷ đồng)



Doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ (theo tháng, tỷ đồng)



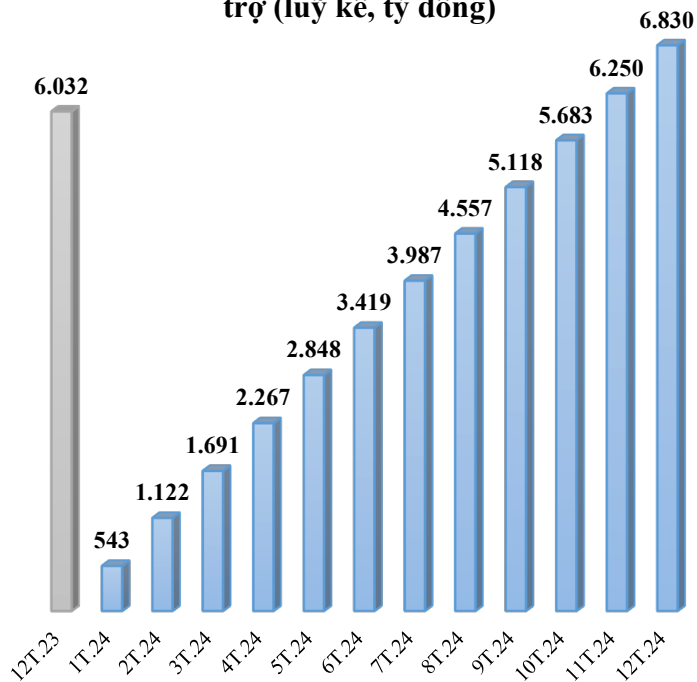
Doanh thu bưu chính, chuyển phát (theo tháng, tỷ đồng)



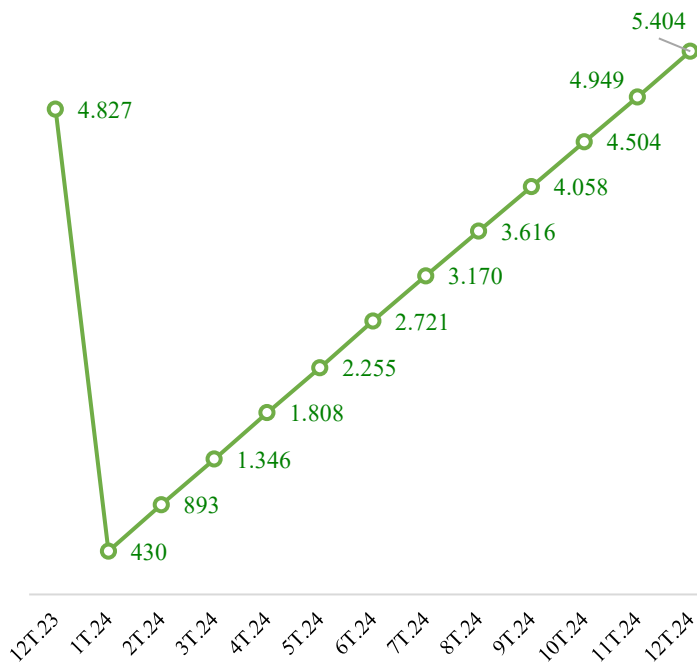


VẬN TẢI, KHO BÃI VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ VẬN TẢI (tiếp)

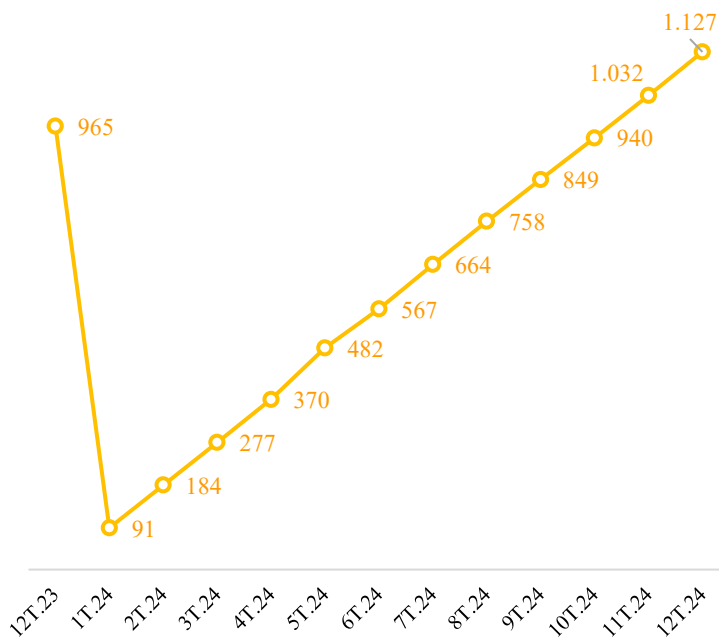
Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ (luỹ kế, tỷ đồng)



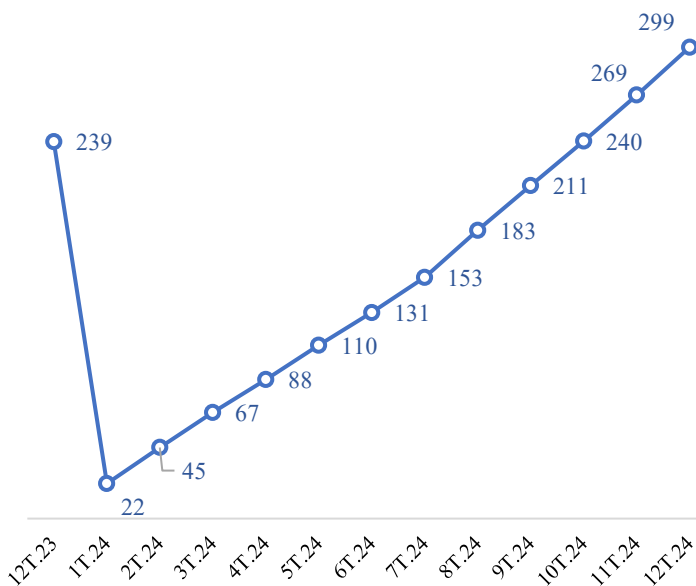
Doanh thu vận tải (luỹ kế, tỷ đồng)



Doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ (luỹ kế, tỷ đồng)



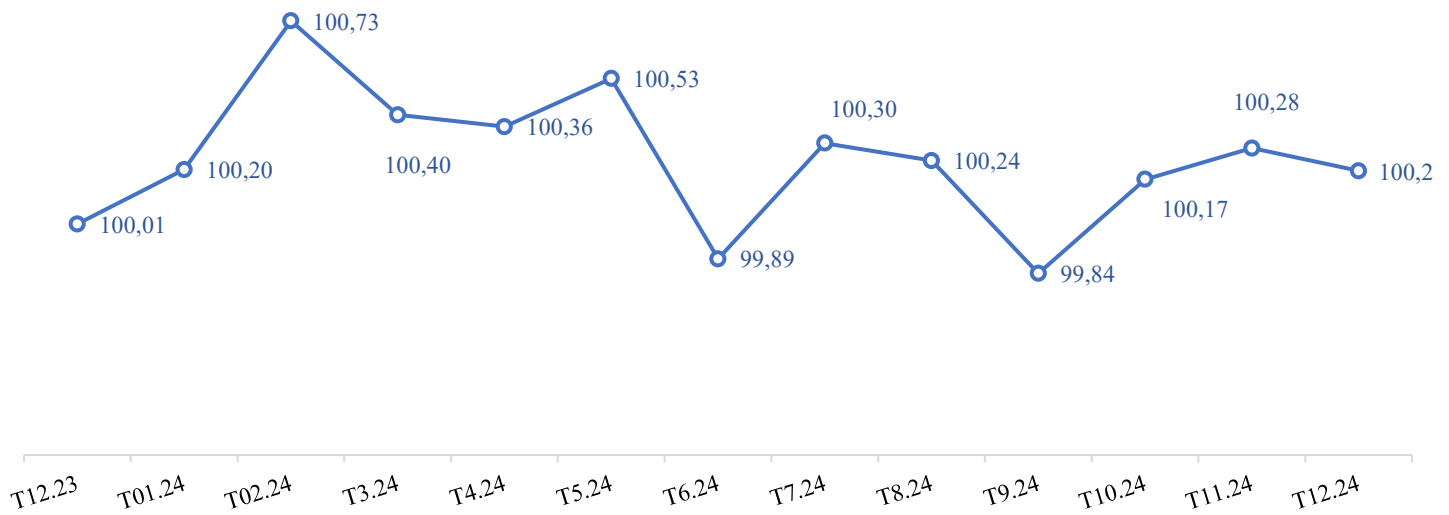
Doanh thu bưu chính, chuyển phát (luỹ kế, tỷ đồng)



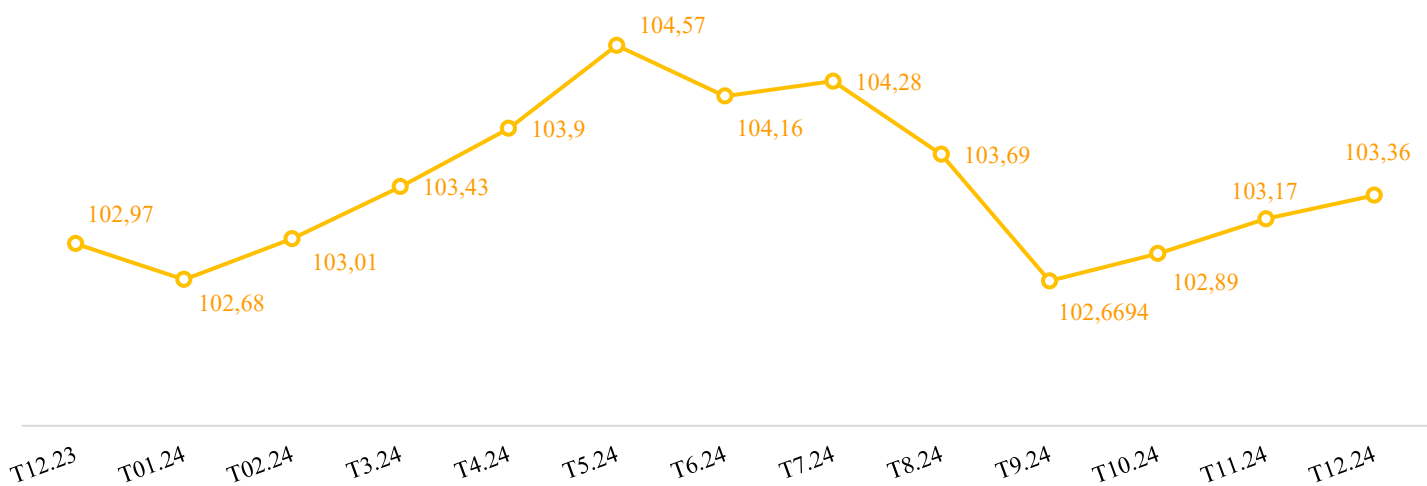


CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ LA MỸ

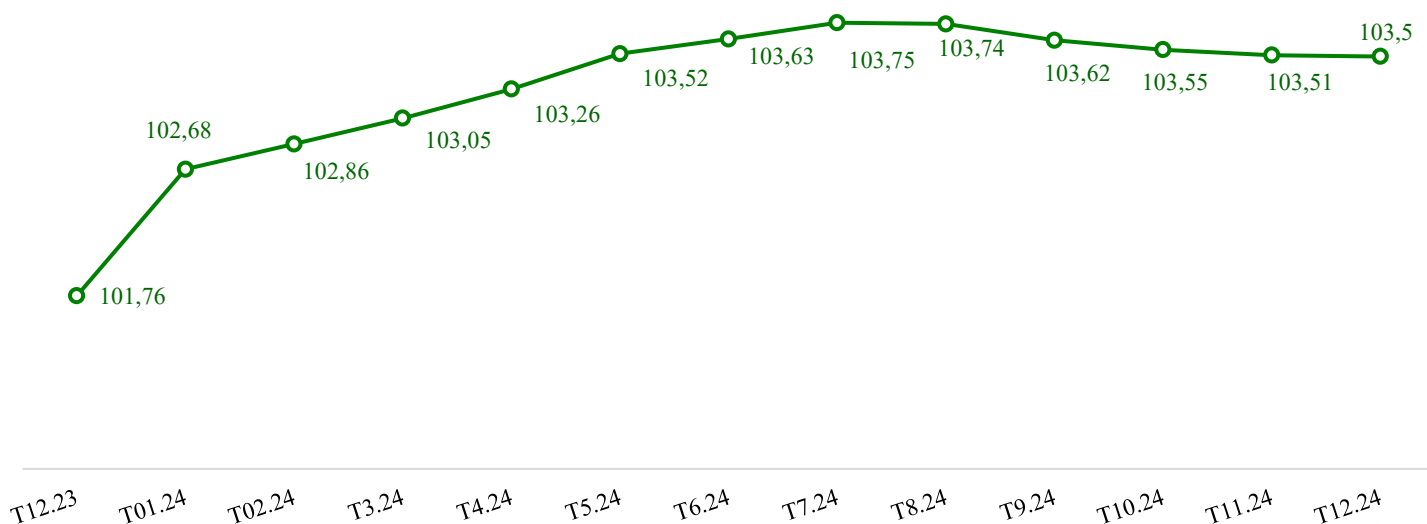
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) so với tháng trước (%)



Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) so với cùng kỳ (theo tháng, %)



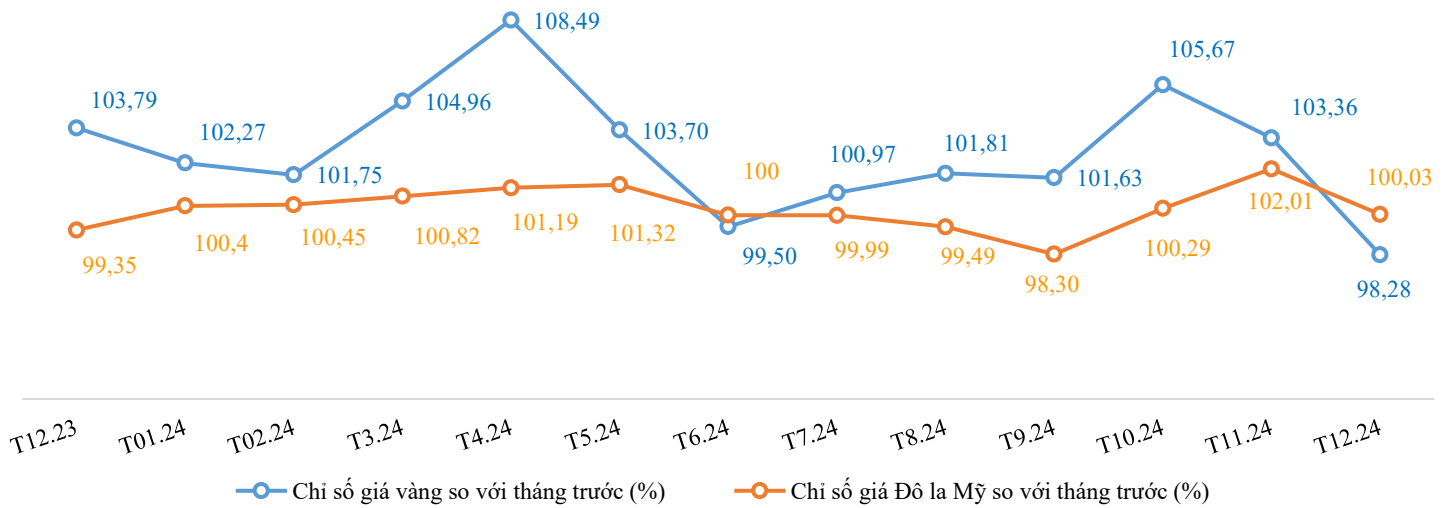
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cùng kỳ (lũy kế, %)



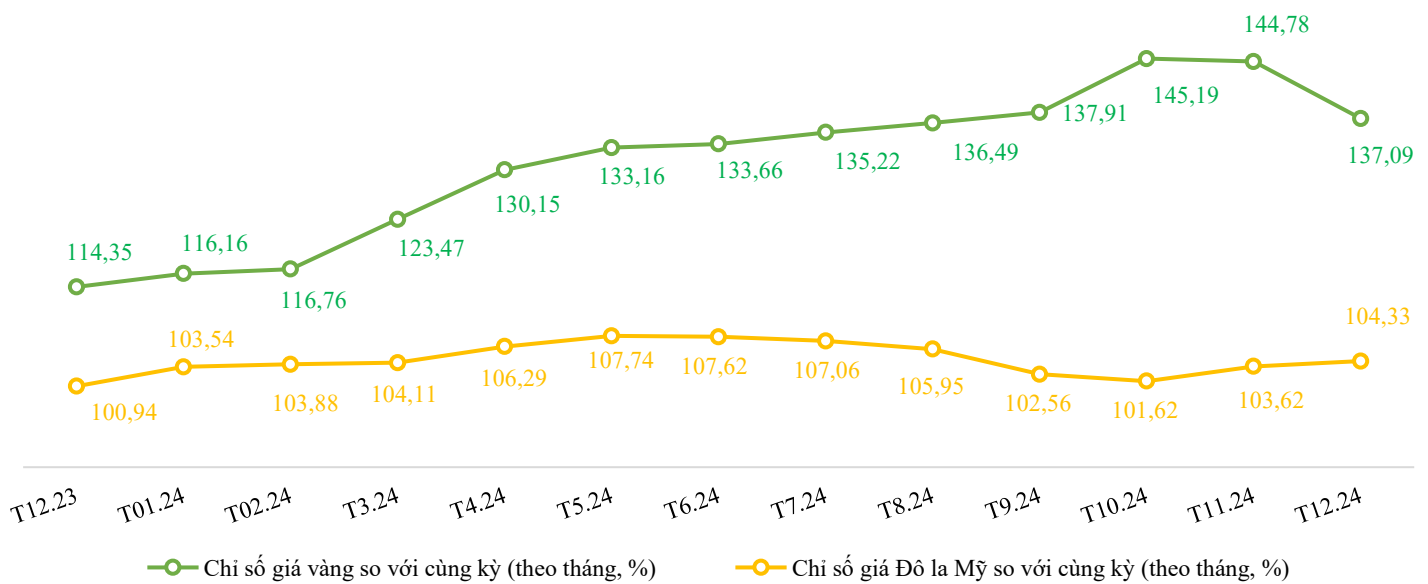


CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ LA MỸ (tiếp theo)

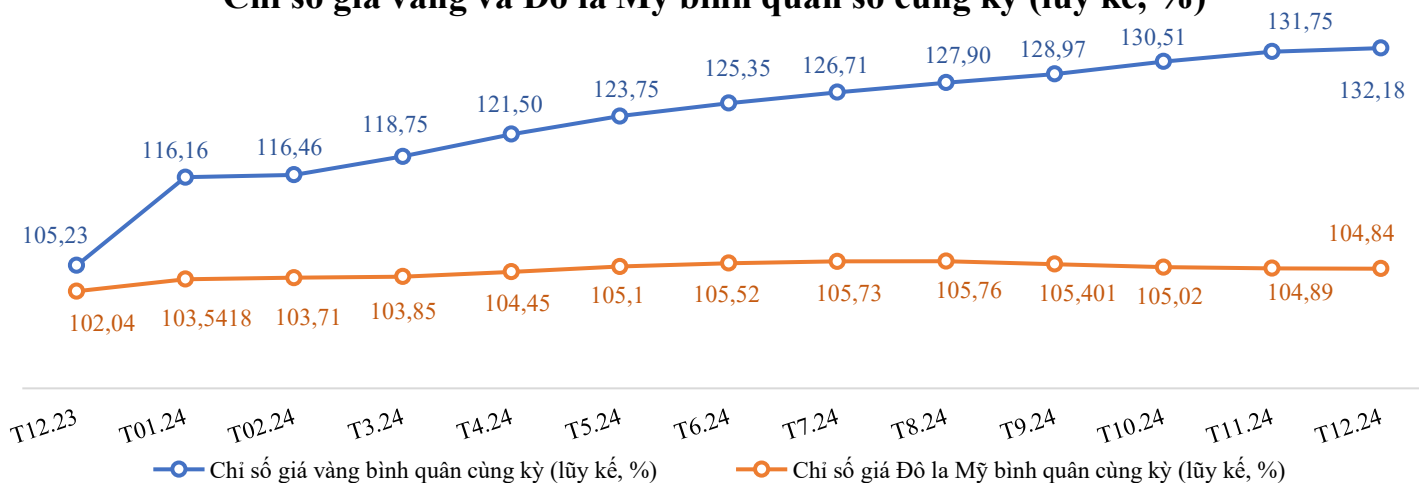
Chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ so với tháng trước (%)



Chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ so với cùng kỳ (theo tháng, %)



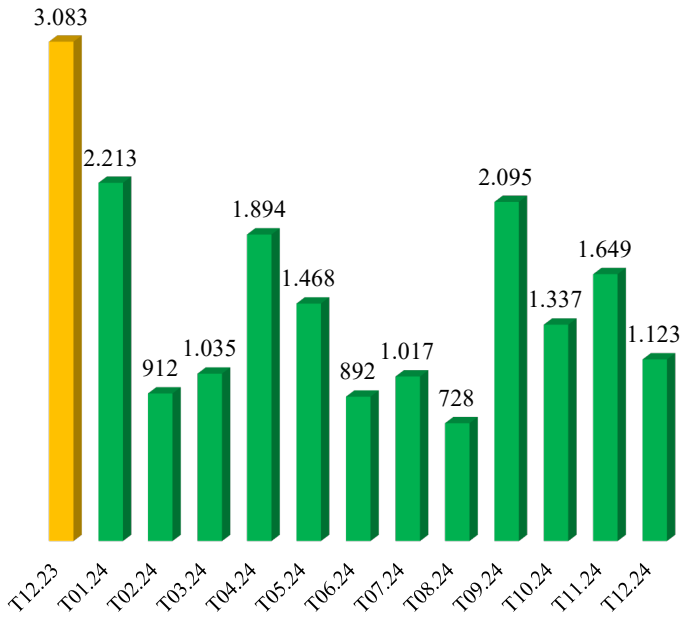
Chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ bình quân so cùng kỳ (lũy kế, %)



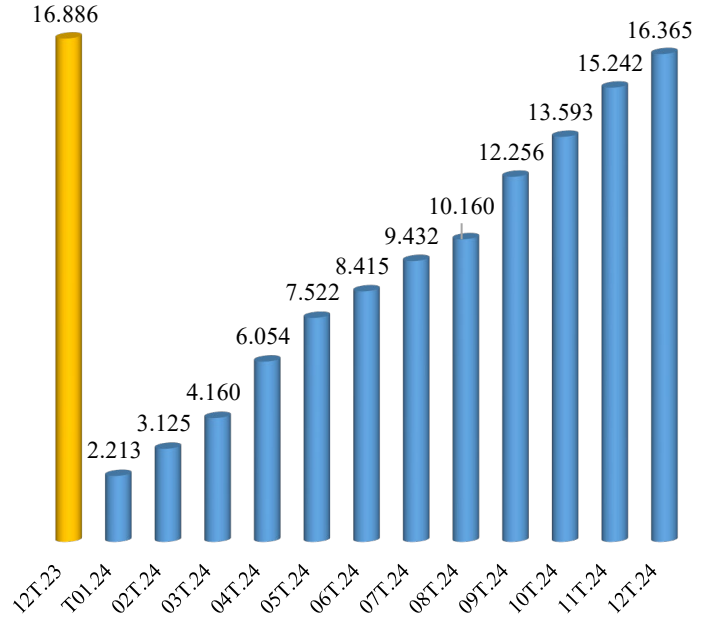


THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN(*)

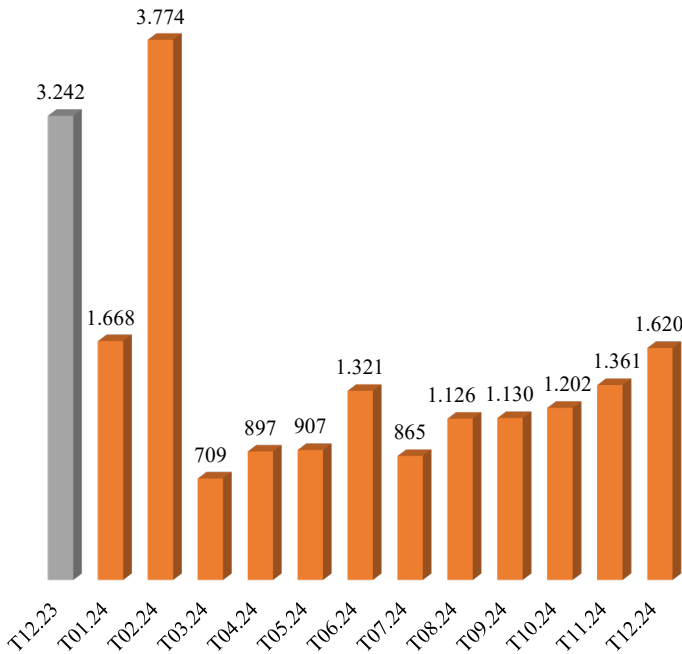
Tổng thu ngân sách nhà nước (theo tháng, tỷ đồng)



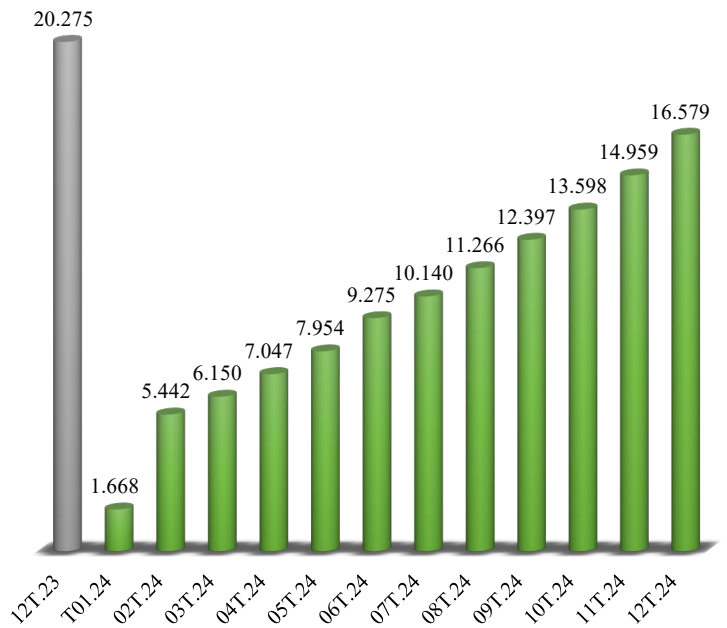
Tổng thu ngân sách nhà nước (lũy kế, tỷ đồng)



Tổng chi ngân sách địa phương (theo tháng, tỷ đồng)



Tổng chi ngân sách địa phương (lũy kế, tỷ đồng)



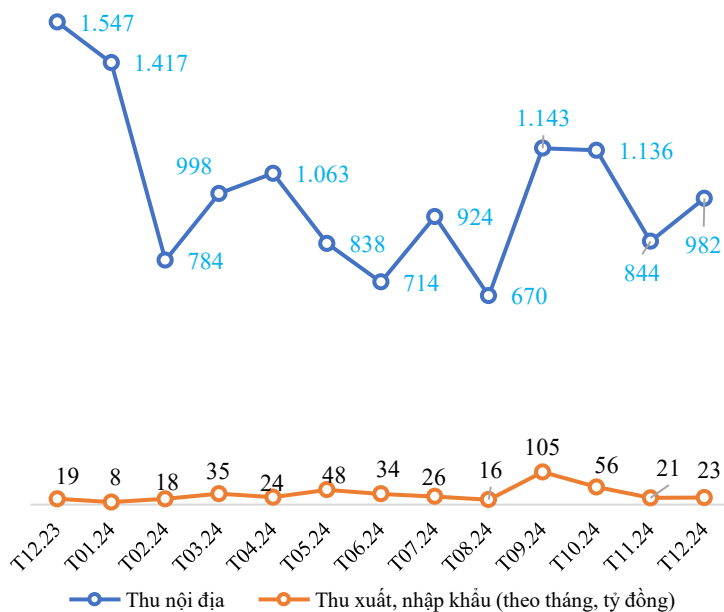
Nguồn: Sở Tài chính thành phố Cần Thơ

(*) Số liệu các tháng trước được cập nhật vào ngày cuối tháng. Riêng tháng 12 được cập nhật ngày 25/12/2024

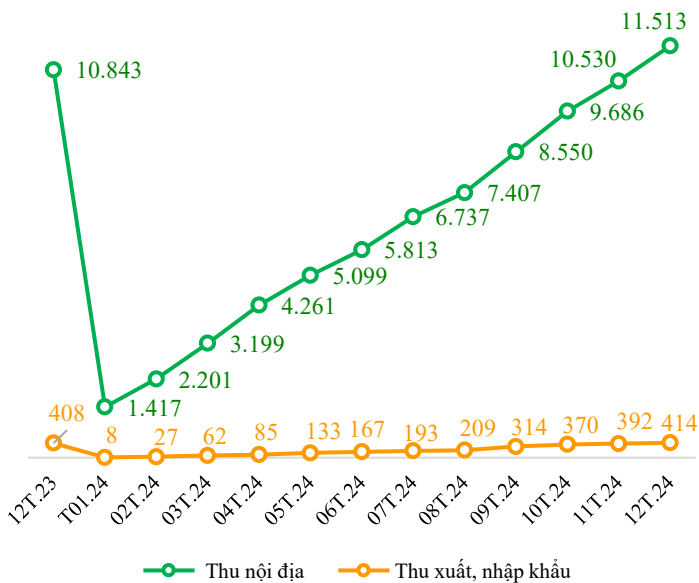


THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN(*) (tiếp theo)

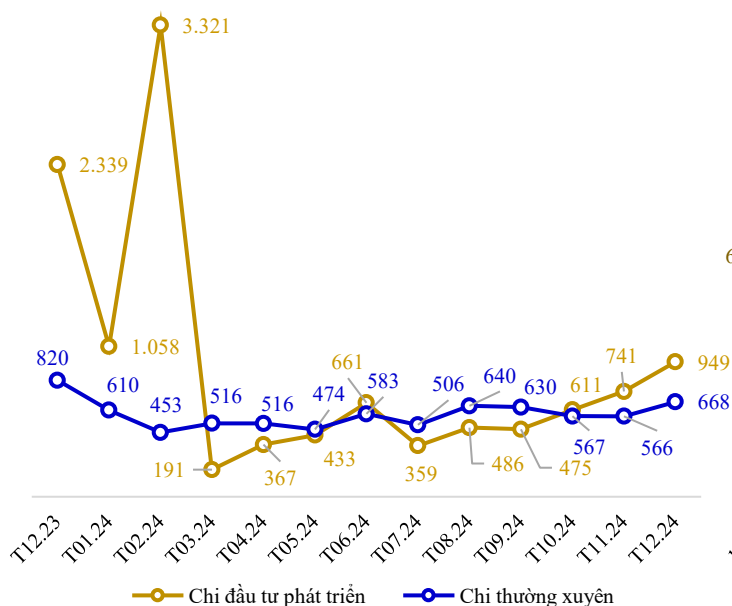
Thu nội địa và Thu xuất, nhập khẩu (theo tháng, tỷ đồng)



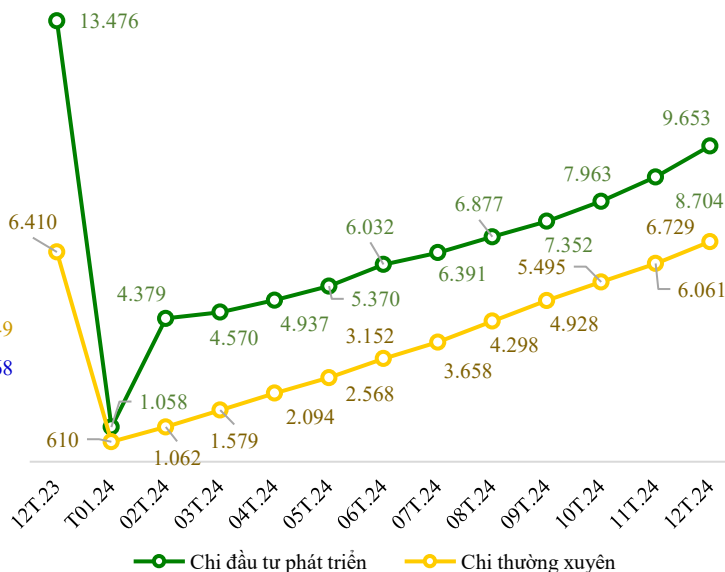
Thu nội địa và thu xuất, nhập khẩu (lũy kế, tỷ đồng)



Chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên (theo tháng, tỷ đồng)



Chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên (lũy kế, tỷ đồng)



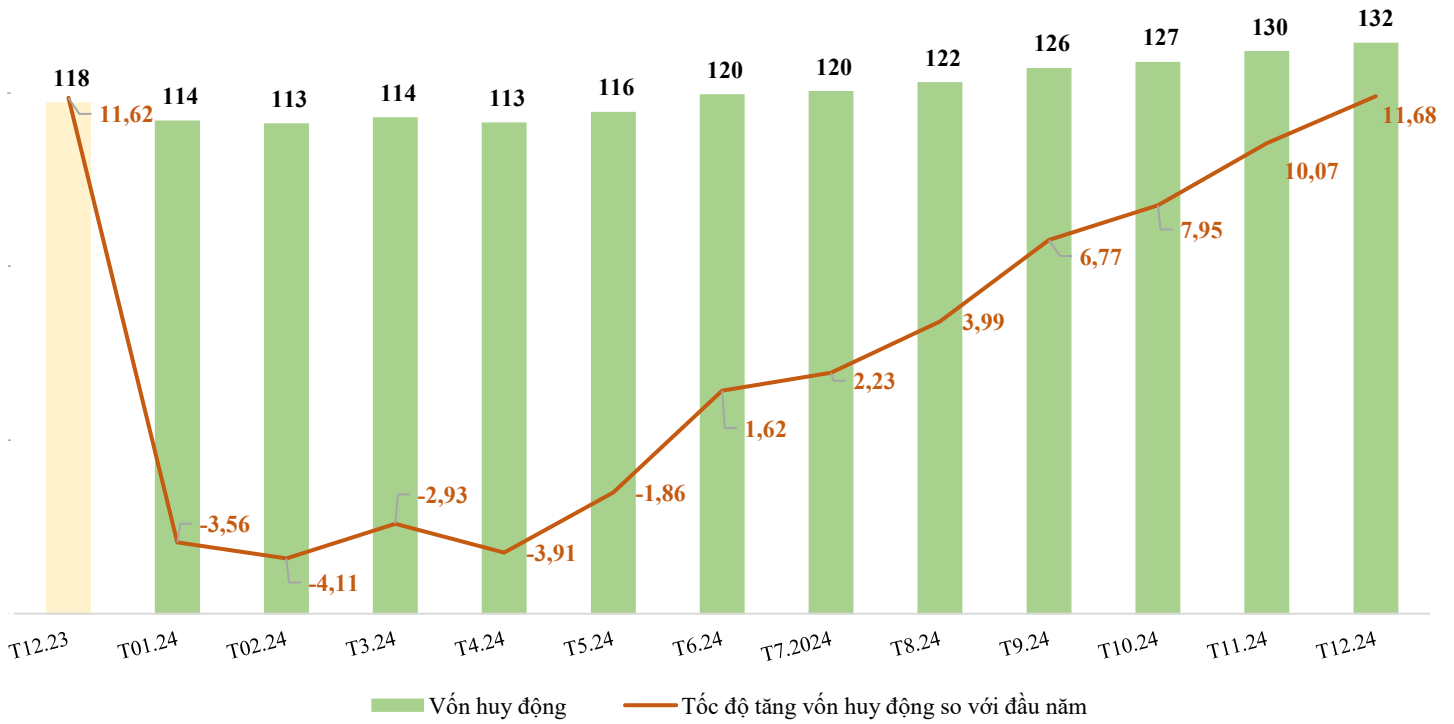
Nguồn: Sở Tài chính thành phố Cần Thơ

(*) Số liệu các tháng trước được cập nhật vào ngày cuối tháng. Riêng tháng 12 được cập nhật ngày 25/12/2024

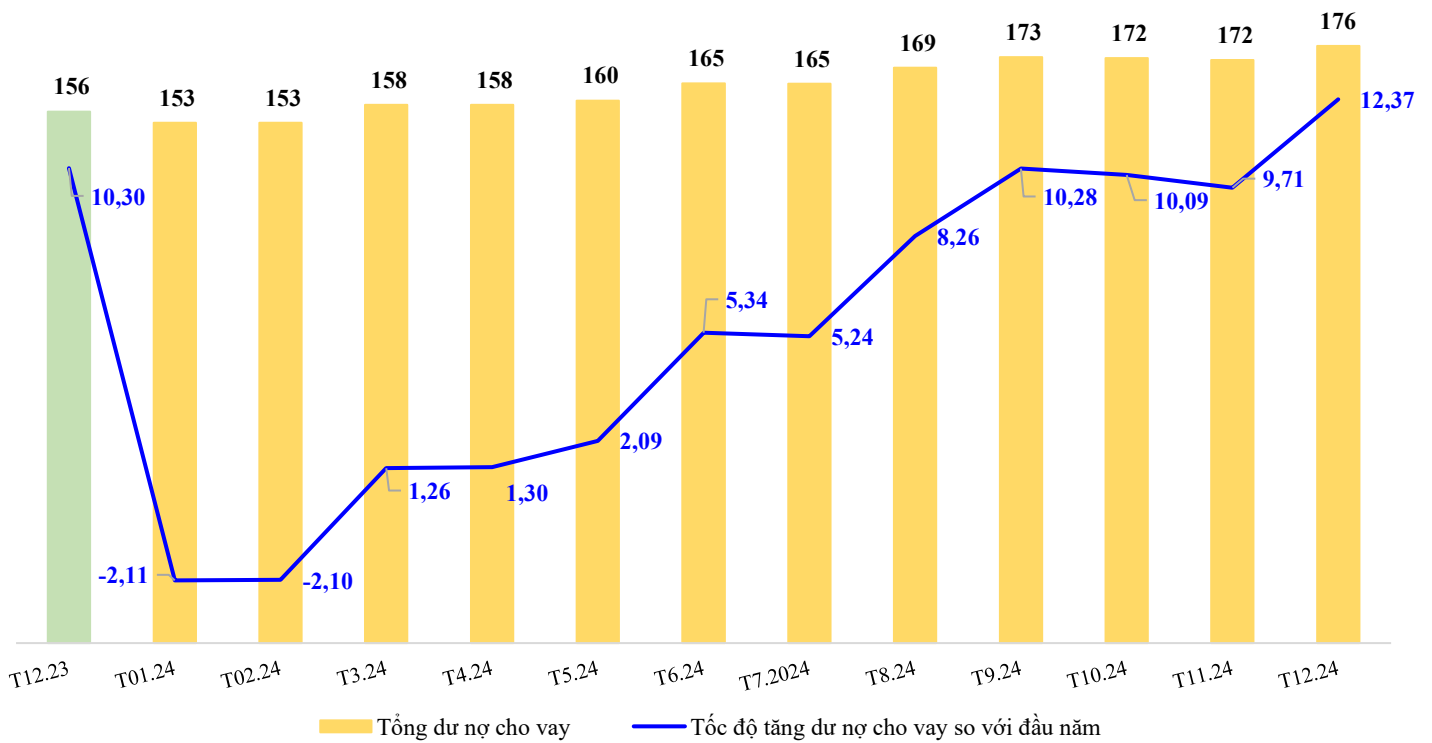


NGÂN HÀNG

Vốn huy động (theo tháng, nghìn tỷ đồng, %)



Tổng dư nợ cho vay (theo tháng, nghìn tỷ đồng, %)

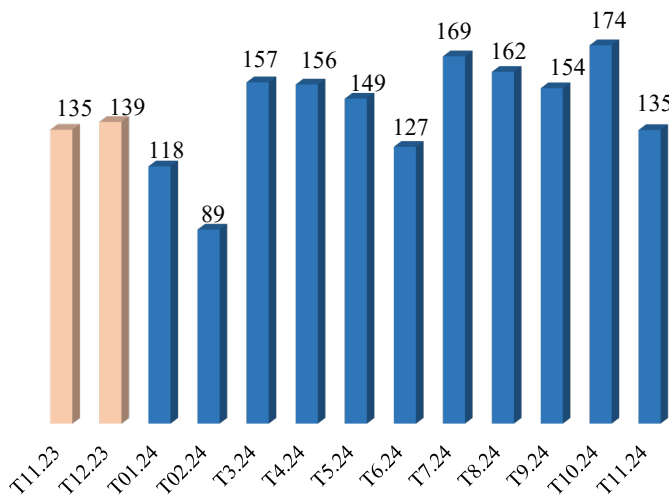


Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Cần Thơ

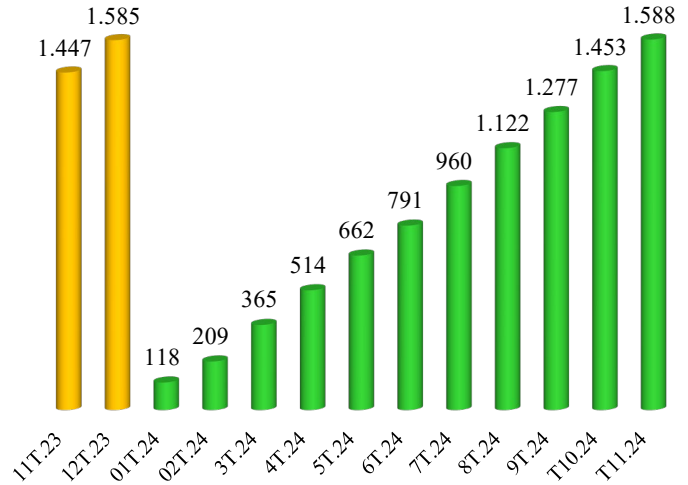


XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA

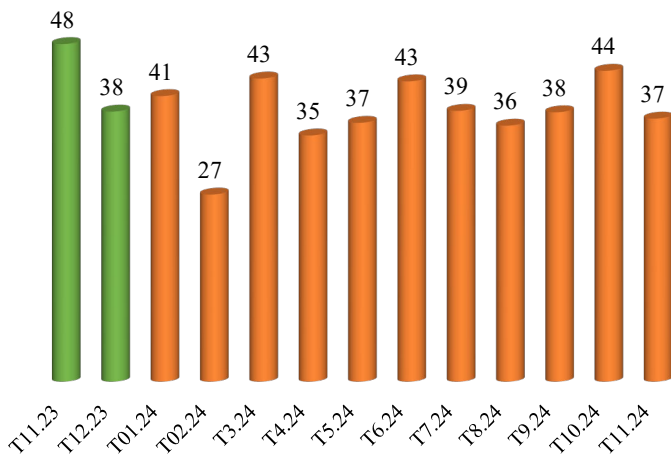
Xuất khẩu (theo tháng, triệu USD)



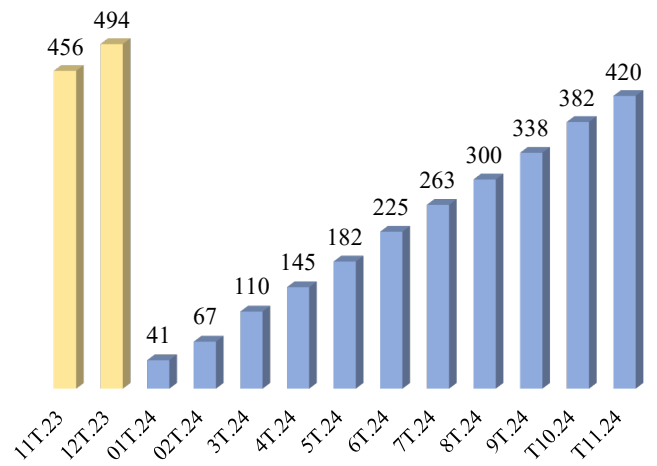
Xuất khẩu (lũy kế, triệu USD)



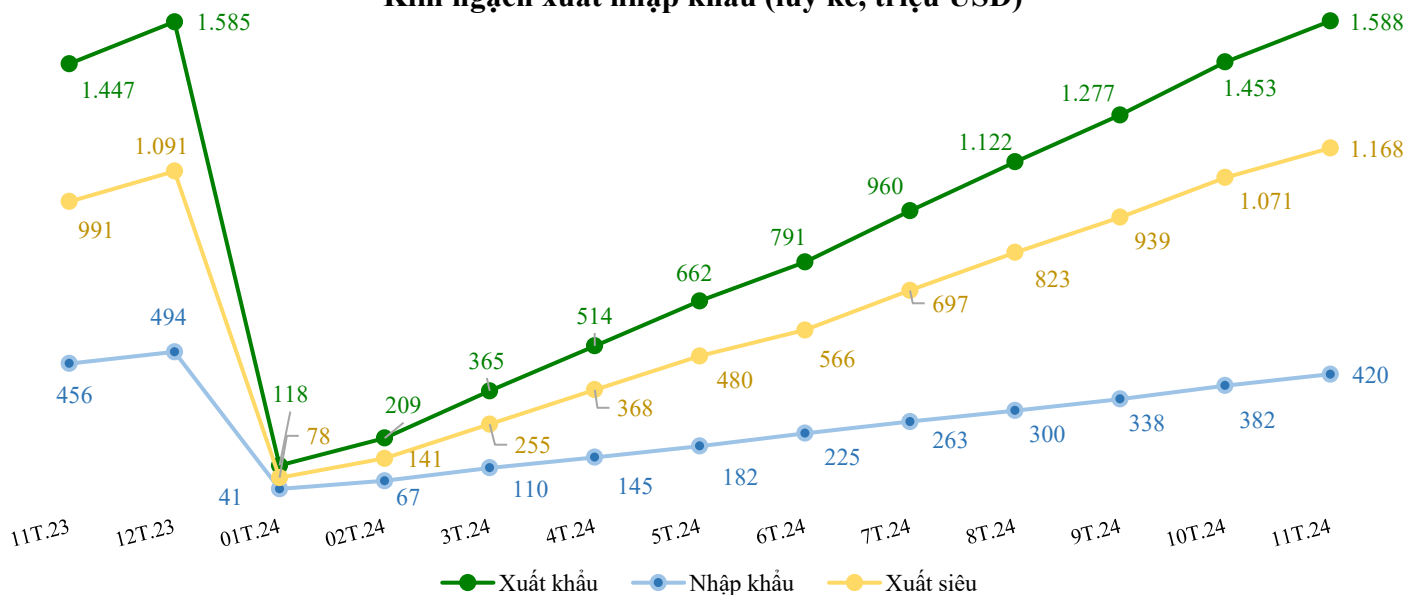
Nhập khẩu (theo tháng, triệu USD)



Nhập khẩu (lũy kế, triệu USD)



Kim ngạch xuất nhập khẩu (lũy kế, triệu USD)



Nguồn: Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan (www.customs.gov.vn)



DÂN SỐ

**Dân số trung bình
sơ bộ năm 2024**



1.271.723 người

▲ 12.847 người

▲ 1,02%

Dân số thành thị



898.655 người

Chiếm 70,66%

Dân số nông thôn



373.068 người

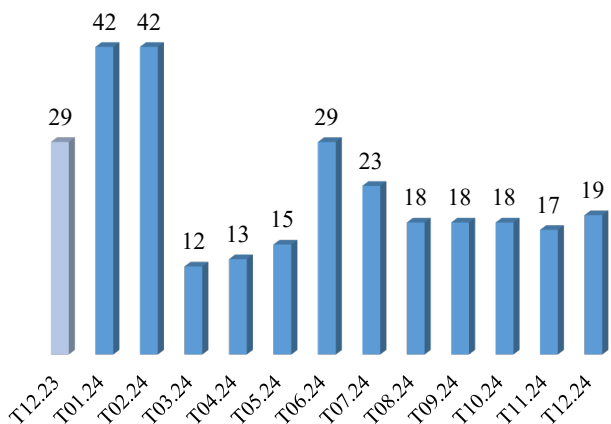
Chiếm 29,34%

Dân số trung bình sơ bộ năm 2024 của thành phố đạt 1.271.723 người, tăng 12.847 người, tương đương tăng 1,02% so với năm 2023, bao gồm dân số thành thị 898.655 người, chiếm 70,66%; dân số nông thôn 373.068 người, chiếm 29,34%.

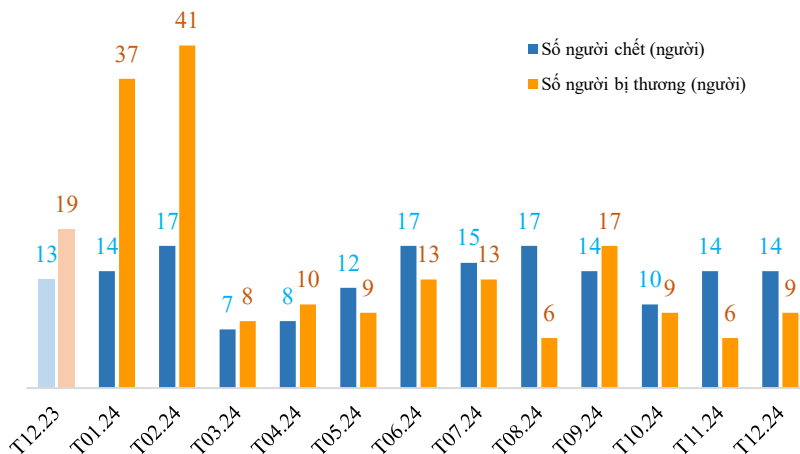


TAI NẠN GIAO THÔNG, PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ

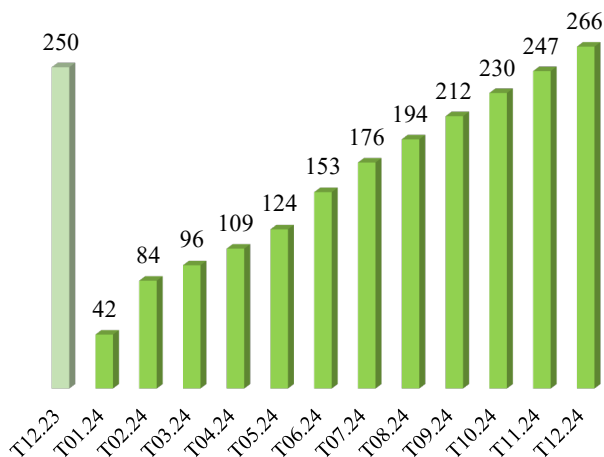
Số vụ tai nạn giao thông (theo tháng, vụ)



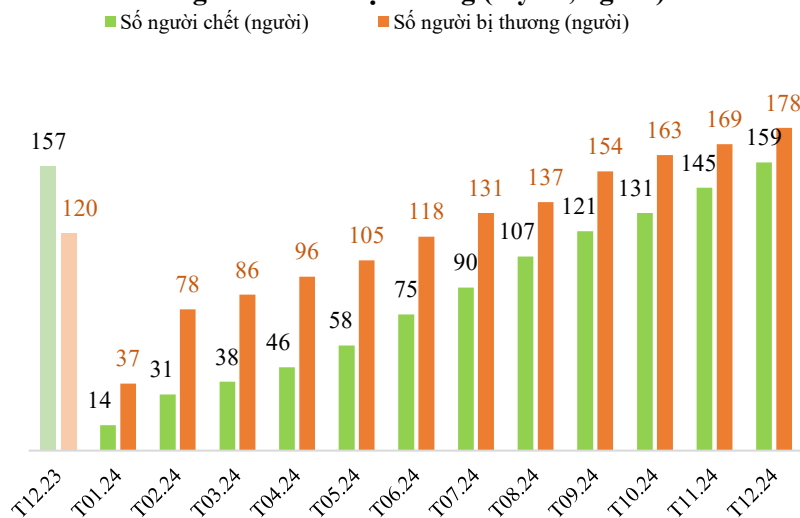
Số người chết và bị thương (theo tháng, người)



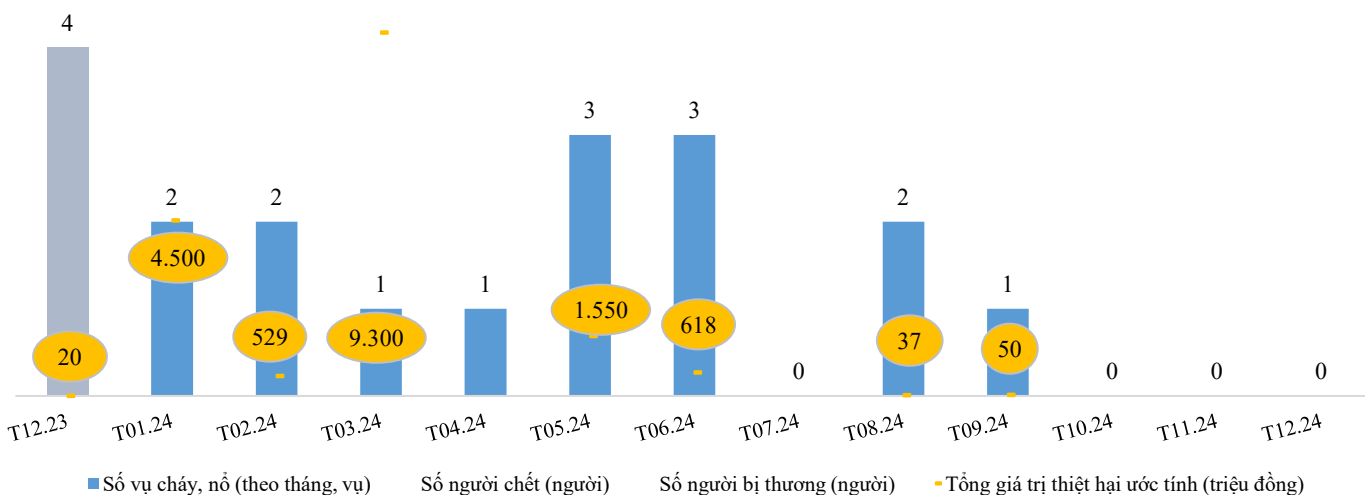
Số vụ tai nạn giao thông (lũy kế, vụ)



Số người chết và bị thương (lũy kế, người)



Số vụ cháy, nổ (theo tháng, vụ, thiệt hại)



Nguồn: Ban An toàn giao thông thành phố Cần Thơ



NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1

Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các thủ tục về quy hoạch, đầu tư, đất đai, đảm bảo chất lượng và tiến độ xây dựng các dự án lớn, công trình trọng điểm có tính đột phá và giá trị lan tỏa cao, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, tạo thêm năng lực sản xuất mới cho nền kinh tế. Đẩy mạnh thực hiện dự án và tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, thực hiện vốn đầu tư công ngay từ đầu năm. Quan tâm thực hiện hiệu quả Đề án nhà ở xã hội, huy động nguồn lực xã hội tham gia đầu tư xây dựng nhà ở xã hội - độc lập, nhà ở xã hội cho thuê, nhà ở xã hội phục vụ tái định cư.

2

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tăng cường cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến. Thực hiện hiệu quả các chính sách ưu đãi, nhất là về thuế, tín dụng, đất đai, nhân lực để hỗ trợ sản xuất cho doanh nghiệp, đồng thời tăng cường xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế.

3

Tập trung vào công nghiệp công nghệ cao, giá trị gia tăng cao; phát triển các ngành công nghiệp chủ lực, công nghệ cao, công nghiệp chế biến các sản phẩm nông, lâm, thủy sản hướng vào xuất khẩu, mở rộng sản xuất những sản phẩm tinh chế, đa dạng hóa các mặt hàng, nâng cao giá trị xuất khẩu gắn với mở rộng thị trường tiêu thụ. Nâng cao tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp, tại điều kiện thuận lợi thu



NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM (tiếp)

4

Tiếp tục phối hợp với các ngành chức năng và địa phương tăng cường các biện pháp quản lý tốt thị trường, giá cả hàng hóa những tháng cuối năm, bảo đảm cân đối cung - cầu hàng hóa, phục vụ tốt nhất nhu cầu mua sắm người dân; tăng cường các hoạt động kết nối cung cầu, liên kết tiêu thụ nông sản, sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực địa phương; triển khai các giải pháp thúc đẩy hoạt động xuất khẩu; tập trung rà soát để kịp thời tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh;...

5

Kiểm soát tốt dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm nhằm đảm bảo cung cấp thực phẩm tiêu dùng tăng cao dịp lễ, Tết. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị các ngành hàng nông sản, thủy sản có lợi thế của thành phố. Tăng cường hoạt động kết nối, liên kết giữa các cơ sở chế biến, cơ sở OCOP với các cơ sở du lịch. Thu hút các nguồn lực xã hội, khuyến khích đầu tư tư nhân để kêu gọi doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

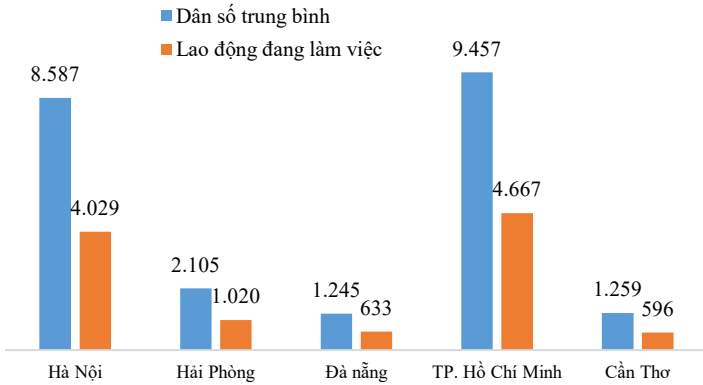
6

Thực hiện công tác an sinh xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống đồng bào dân tộc thiểu số, thực hiện công tác giảm nghèo, quan tâm, chăm sóc chu đáo đối với người có công, đối tượng trợ giúp xã hội, hỗ trợ kịp thời, đúng đối tượng thụ hưởng chính sách thường xuyên và đột xuất. Nâng cao vai trò, trách nhiệm, tăng cường công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

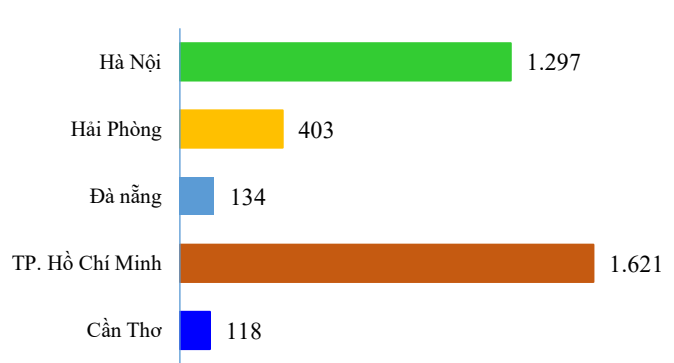


SỐ LIỆU KINH TẾ CHỦ YẾU 5 TP TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG ƯỚC NĂM 2023

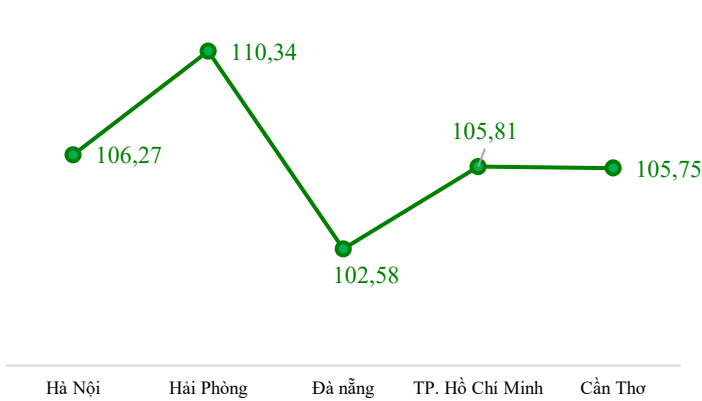
**Dân số trung bình và lao động đang làm việc
(nghìn người)**



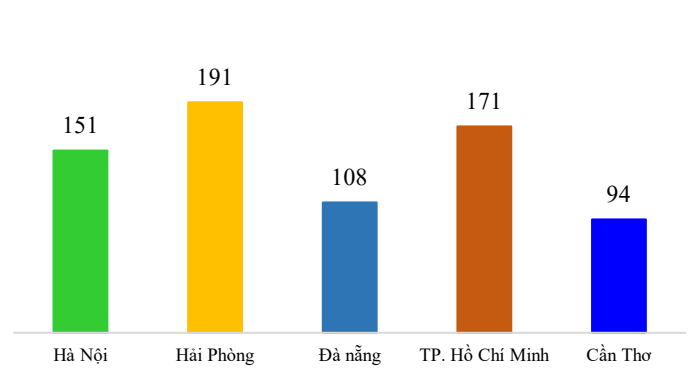
**Quy mô GRDP theo giá hiện hành
(nghìn tỷ đồng)**



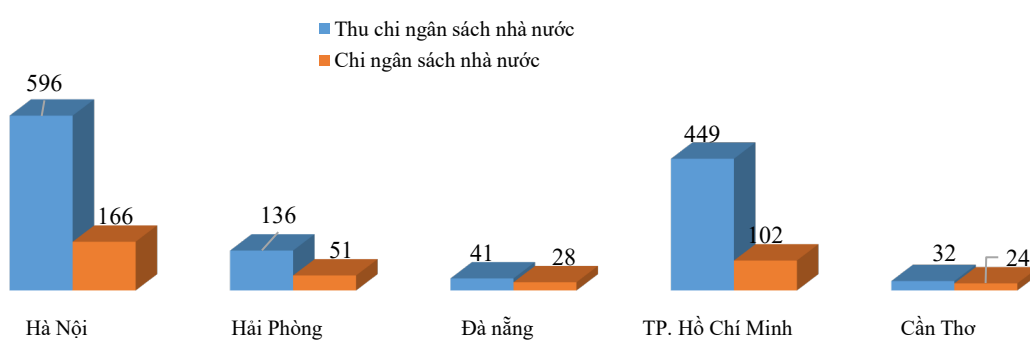
Tốc độ phát triển GRDP (%)



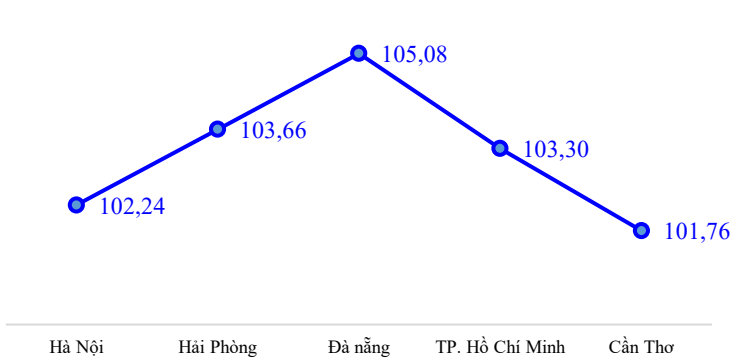
**GRDP bình quân đầu người
(triệu đồng/người)**



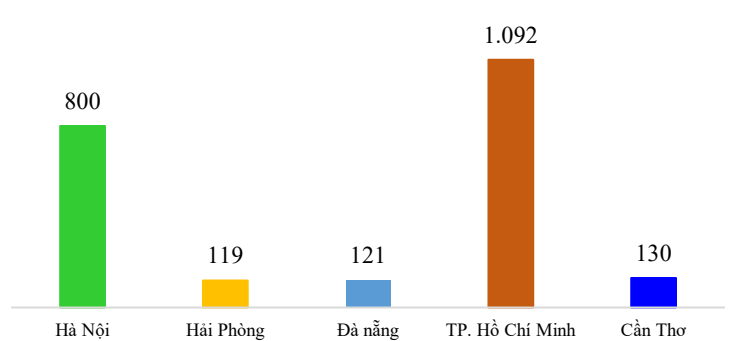
Thu - Chi ngân sách nhà nước (nghìn tỷ đồng)



Chỉ số giá tiêu dùng (%)



Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (nghìn tỷ đồng)



Nguồn: Cục Thống kê 5 thành phố lớn

TỔNG CỤC THỐNG KÊ **CỤC THỐNG KÊ TP CẦN THƠ**



<https://cucthongkecantho.gso.gov.vn>